

Phiên bản sửa đổi tháng 2 năm 2026

Sổ tay về cuộc sống dành cho người nước ngoài

BẢN TIẾNG VIỆT

ベトナム語版



MỤC LỤC

◆XIN VUI LÒNG◆

Vì các phòng hướng dẫn có trường hợp không đối ứng được bằng tiếng nước ngoài nên hãy nhờ sự trợ giúp của người hiểu tiếng nhật.

1	Khi khẩn cấp	Trang
(1)	Đông đất	P. 1
(2)	Bão	P. 2
2	Các thủ tục liên quan đến pháp luật	Trang
(1)	Tr cách lưu trú	P. 3
(2)	Khi kết hôn (Giấy đăng ký kết hôn)	P. 4
(3)	Khi ly hôn(Giấy ly hôn)	P. 5
(4)	Khi có bạn bè, người trong gia đình mất (Giấy chứng tử)	P. 5
(5)	Khi sinh con (Giấy khai sinh)	P. 6
(6)	Đăng ký con dấu	P. 7
(7)	Tham gia bảo hiểm quốc dân	P. 7
(8)	Thủ tục làm thẻ my number	P.8
3	Dịch vụ công cộng	Trang
(1)	Nước máy	P.9
(2)	Rác thải	P.9
(3)	Phân loại rác, cách đổ rác	P.11
4	Thông tin tiện ích cho cuộc sống	Trang
(1)	Cuộc sống ở khu vực	P.21
5	Bệnh tật, sức khỏe	Trang
(1)	Chế độ bảo hiểm y tế	P.22
(2)	Khi bị bệnh, bị thương	P. 27

(3)	Kiểm tra, thăm khám sức khỏe	p.29
-----	--	----------------------

6	Sinh đẻ, nuôi con	Trang
(1)	Khi có thai	P.29
(2)	Sổ tay sức khỏe mẹ và bé	P.30
(3)	Khi sinh con	P.30
(4)	Chế độ trợ cấp phí y tế cho trẻ em	P.31
(5)	Hướng dẫn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ sơ sinh	P.32
(6)	Chế độ trợ giúp cho ông bố, bà mẹ đơn thân. Trợ cấp trẻ em	P.32
(7)	Khi muốn gửi trẻ (ví dụ: nhà trẻ...)	P.33
(8)	Hỗ trợ nuôi con nhỏ	P.35
(9)	Khu vui chơi cho trẻ em RELATTO	P.38
(10)	Thư viện dành cho trẻ em + plus	P.40
7	Trường học, giáo dục	Trang
(1)	Nhà mẫu giáo	P.40
(2)	Trường tiểu học, trung học	P.41
(3)	Khi trẻ em nước ngoài đi học tại các trường học Nhật Bản	P.42
(4)	Khu vui chơi của trường học	P.42
8	Giao Thông	Trang
(1)	Xe đạp	P.43
(2)	Dịch vụ xe ghép	P.46
(3)	Neya Bus	P.47
(4)	Hoạt động hỗ trợ thúc đẩy sử dụng phương tiện công cộng	P.48
9	Tiền thuế, bảo hiểm	Trang

(1)	Tiền thuế	P.50
(2)	Bảo hiểm	P.51
10	Địa điểm tư vấn khi gặp khó khăn, lớp học tiếng nhật	Trang
(1)	Cuộc sống hàng ngày	P.52
(2)	Lớp học tiếng nhật	P.52

11	Các trang web giúp ích cho cuộc sống...	Trang
(1)	Cẩm nang cuộc sống osaka	P.54
(2)	Phần mềm phòng chống thiên tai Osaka	P.54
	Bảng phụ lục	Trang
	DANH SÁCH CƠ SỞ CÔNG CỘNG TRONG THÀNH PHỐ	1
	Các cơ sở công cộng của thành phố Neyagawa	14
	Danh sách địa điểm tư vấn mà người nước ngoài có thể sử dụng được	15

1. KHI KHẨN CẤP

(1) ĐỘNG ĐẤT

Nhật Bản là quốc gia có nhiều động đất, trong quá khứ ở Kyoto, Osaka, Kobe cũng đã từng xảy ra nhiều trận động đất lớn. Chúng ta hãy chuẩn bị đối phó với những trận động đất mà khi nào xảy ra bản thân mình cũng không rõ.

● Nếu xảy ra động đất

- Không chạy ra ngoài, bảo vệ tính mạng của bản thân.
- Khi ở trong nhà cảm thấy “rung”, ngay lập tức chui xuống gầm bàn hoặc ghế, dùng những vật như đệm quỳ chân... để bảo vệ đầu.
- Đợi đến khi hết “rung”.
- Sau khi giảm “rung” kiểm tra nơi có nguồn lửa.

● Chuẩn bị cho động đất

- Cố định chắc các đồ vật như giá sách, tủ đựng đồ có được cố định chắc vào tường hoặc cột.
- Hãy chuẩn bị tối thiểu đồ ăn và nước uống trong 3 ngày (mỗi người 1 ngày 3 lít nước).
- Để có thể lập tức mang được ra ngoài cho sẵn vào túi những đồ vật như đèn pin, đồ ăn nhanh (như là những đồ bảo quản được trong thời gian dài, bánh quy...).

● Nếu xảy ra các thảm họa lớn như lũ lụt, động đất lớn

Sơ tán đến những nơi được gọi là “hinanjou-nơi sơ tán”, “ichijihinanchi-nơi sơ tán tạm thời”, “kouikihinanchi-nơi sơ tán rộng”.

(1) Nơi sơ tán

Là địa điểm tránh những nguy hiểm tạm thời ở những địa điểm nguy hiểm như toà nhà bị đổ... Thường chỉ định các công trình công cộng như trường tiểu học làm nơi sơ tán.

(2) Nơi sơ tán tạm thời

Là địa điểm sơ tán mang tính tạm thời mà khi đang trên đường sơ tán đến nơi sơ tán rộng mà nguy hiểm theo sát.

Hãy xác nhận địa điểm sơ tán gần khu vực mình sinh sống.

(3) Nơi sơ tán rộng

Là địa điểm bảo vệ tính mạng của bản thân khi xảy ra thành phố dẫn đến hoả hoạn do động đất. Là địa điểm rất rộng.

Thông tin liên lạc:

Văn phòng toà thị chính – Tầng 3- Ban phòng chống thiên tai ☎072 – 825 – 2194

(2) Bão

Ở Nhật Bản từ tháng 6~ tháng 10 là mùa bão. Khi mùa bão đến gần chú ý đến thông tin dự báo thời tiết.

• Chuẩn bị đối phó với bão

- Đã từng có trường hợp mất nước, mất điện, mất ga, cắt điện thoại do bão.
- Chuẩn bị sẵn đồ vật dùng trong trường hợp khẩn cấp như: đèn pin, nến, đồ ăn, nước uống, thuốc...
- Nên cầm theo radio cầm tay để có thể biết được tình hình bên ngoài.

Thông tin liên lạc: Văn phòng toà thị chính -Tầng 3- Ban phòng chống thiên tai

☎072 – 825 – 2194

2. THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN PHÁP LUẬT

(1) Tư cách lưu trú

- Tùy vào tư cách lưu trú nhập cảnh mà điều kiện tạm trú sẽ khác nhau.
- Hãy xác nhận visa, hộ chiếu của các bạn để biết được thời gian lưu trú tại Nhật là bao lâu.
- Các trường hợp nhập cảnh với visa đi học hoặc visa ngắn hạn thì không được đi làm.
- Khi muốn hoạt động ngoài tư cách cần làm đơn xin cho phép hoạt động ngoài tư cách hoặc đổi dạng tư cách lưu trú.
- Khi muốn kéo dài thời gian lưu trú cần phải làm thủ tục ra hạn thời gian visa đến trước ngày hết hạn visa cũ.
- Khi có nguyện vọng muốn về nước, sau đó quay lại với cùng mục đích ban đầu thì cần phải nhận được sự cho phép tái nhập cảnh.

Thông tin liên lạc

① Cục xuất nhập cảnh khu vực Osaka

OSAKASHI SUMINOEKU NANKOUKITA 1-29-53 ☎0570-064259

Điện thoại qua mạng, gọi điện từ nước ngoài ☎06-4703-2050

Thời gian làm việc 9:00~16:00 (Trừ ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật)

② Trung tâm thông tin tổng hợp lưu trú người nước ngoài ☎0570-013904

Khi gọi từ nước ngoài ☎03-5796-7112

Thời gian làm việc 8:30~17:15 (Trừ ngày nghỉ, thứ 7, chủ nhật)

Có thể đối ứng được tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hàn Quốc...

(2) Khi kết hôn (Giấy đăng ký kết hôn)

Khi kết hôn xuất trình “giấy đăng ký kết hôn” cho quầy tiếp nhận tại tầng 2 của công thông tin dịch vụ neyagawa.

● Khi người không có quốc tịch Nhật Bản kết hôn với người Nhật

Giấy tờ Người không có quốc tịch Nhật Bản cần chuẩn bị

① Bản dịch và giấy chứng nhận độc thân do đại sứ quán, lãnh sự quán của đất nước mình cấp.

② Hộ chiếu

Giấy tờ người Nhật cần chuẩn bị

Không cần gì (Kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2024 không cần cung cấp sổ hộ khẩu)

※ Trong giấy đăng ký kết hôn cần có đóng dấu và ký tên của cả 2 người có hộ khẩu thường trú tại Nhật Bản, là người trưởng thành (với người Nhật trên 18 tuổi) tuổi với tư cách làm nhân chứng.

● Khi cả 2 cùng là người nước ngoài kết hôn tại Nhật

Giấy tờ cần chuẩn bị

① Bản dịch và giấy chứng nhận độc thân do đại sứ quán, lãnh sự quán của đất nước mình cấp.

② Hộ chiếu

Thông tin liên lạc:

- Lãnh sự quán hoặc đại sứ quán đất nước mình

- Bộ phận dịch vụ công dân tầng 2 công thông tin dịch vụ Neyagawa.

(Phụ trách sổ hộ khẩu, thường trú) ☎072—825-2215

(3) Khi ly hôn

Khi ly hôn cần nộp “đơn xin ly hôn” cho quầy tiếp nhận tại tầng 2 của công thông tin dịch vụ neyagawa. Khi cặp vợ chồng khác quốc tịch ly hôn thì sử dụng pháp luật tại đất nước mà hai vợ chồng sinh sống.

Ví dụ: Trong trường hợp vợ chồng là một người Nhật kết hôn với một người mang quốc tịch của một nước khác mà nước đó không chấp nhận ly hôn, ngay cả là ly hôn đồng thuận (Ly hôn chỉ dựa trên sự đồng thuận của cả hai). Nhưng vì đang sống trên đất nước Nhật thì vẫn được ly hôn đồng thuận theo luật pháp của Nhật.

※ Người Nhật khi đăng ký cư trú tại thành phố khác thì cần có giấy đăng ký cư trú.

Thông tin liên lạc:

- Lãnh sự quán hoặc đại sứ quán đất nước mình
- Bộ phận dịch vụ công dân tầng 2 công thông tin dịch vụ neyagawa.

(Phụ trách sổ hộ khẩu, thường trú) ☎072—825-2215

(4) Khi có bạn bè hoặc người trong gia đình mất (Giấy chứng tử)

Nộp “giấy chứng tử” cho quầy tiếp nhận tại tầng 2 của bộ phận dịch vụ hành chính công thông tin dịch vụ neyagawa. Neyagawa trong vòng 7 ngày sau ngày mất.

Giấy tờ cần thiết:

- Giấy xác nhận tử vong (in cùng với giấy chứng tử)

• Trường hợp người mất không có quốc tịch Nhật Bản

Trả lại cho quây tiếp nhận tại tầng 2 của bộ phận dịch vụ hành chính công thông tin dịch vụ Neyagawa tạm trú thẻ ngoại kiều hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt. Báo cho lãnh sự quán hoặc đại sứ quán về việc người tử vong.

Thông tin liên lạc:

- Lãnh sự quán hoặc đại sứ quán đất nước mình.
- Bộ phận dịch vụ công dân tầng 2 công thông tin dịch vụ Neyagawa (Phụ trách sổ hộ

khẩu, thường trú) ☎072—825-2215

(5) Khi sinh con (Giấy khai sinh)

Nộp “giấy khai sinh” quây tiếp nhận tại tầng 2 của bộ phận dịch vụ hành chính công thông tin dịch vụ Neyagawa trong vòng 14 ngày kể cả ngày sinh.

Giấy tờ cần thiết

- (1) Giấy chứng sinh (in cùng với giấy khai sinh).
- (2) Sổ tay sức khoẻ mẹ và bé.

Thông tin liên lạc:

• Bộ phận dịch vụ công dân tầng 2 công thông tin dịch vụ Neyagawa (Phụ trách sổ hộ khẩu, thường trú) ☎072—825-2215 (liên quan đến giấy khai sinh, sổ hộ khẩu).

- Phòng hỗ trợ nuôi dạy trẻ em tầng 7 công thông tin dịch vụ Neyagawa

☎072—8-00-7079 (liên quan đến sổ tay mẹ và bé).

(6) Đăng ký con dấu

Tại Nhật Bản, khi ký kết các hợp đồng quan trọng như mua xe ô tô, mua nhà, mua đất cần phải có con dấu đặc biệt. Con dấu đó là con dấu đã được đăng ký tại quầy lễ tân tầng 2 của tòa nhà công thông tin dịch vụ Neyagawa. Việc đăng ký làm tại bộ phận đảm nhiệm tạm trú, sổ hộ khẩu của tòa thị chính thành phố.

※ Lưu ý: Có những con dấu không thể đăng ký được.

Thông tin liên lạc:

Phòng dịch vụ công dân tầng 2 tòa nhà công thông tin dịch vụ Neyagawa (phụ trách tạm trú, hộ khẩu) ☎072—823—1211(tạm trú).

(7) Tham gia bảo hiểm quốc dân

Những người đã đăng ký cư trú và có thời hạn lưu trú từ 3 tháng trở lên, nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân. Vui lòng mang theo thẻ lưu trú (trường hợp không có thì mang hộ chiếu) cùng các giấy tờ cần thiết nêu dưới đây để làm thủ tục đăng ký.

① Chuyển đến thành phố Neyagawa mà không có bảo hiểm y tế của công ty (bảo hiểm người lao động, bảo hiểm nơi làm việc, v.v.).

② Mất tư cách bảo hiểm y tế của công ty (Cần có Giấy chứng nhận mất tư cách bảo hiểm y tế)

③ Không còn nhận trợ cấp sinh hoạt (Cần có Thông báo quyết định chấm dứt trợ cấp)

④ Trẻ em mới sinh nhưng không thể đăng ký là người phụ thuộc của bảo hiểm công ty (Cần Giấy xác nhận tư cách Bảo hiểm Y tế Quốc dân của cha/mẹ (Giấy xác nhận tư cách hoặc Thông báo thông tin tư cách, Sổ tay mẹ và bé)

※ Người đã hết hạn lưu trú thì không thể tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân. (Trường hợp thời hạn lưu trú dưới 3 tháng, tùy tư cách lưu trú, vẫn có thể được tham gia.)

※ Phí bảo hiểm sẽ được tính theo thời gian tham gia thực tế.

Thông tin liên hệ:

Phòng dịch vụ công dân tầng 2 tòa nhà công thông tin dịch vụ Neyagawa (phụ trách Bảo hiểm Y tế Quốc dân) ☎ 050-1721-9283

(8) Làm thẻ My Number

- Thẻ My Number là giấy tờ dùng để xác minh danh tính, có thể sử dụng trực tiếp hoặc trực tuyến (online).
- Đối với người nước ngoài đang cư trú tại Nhật, khi cấp thẻ sẽ xác minh danh tính bằng giấy tờ có ảnh như hộ chiếu.
- Để nhận được thẻ My Number, bắt buộc phải nộp đơn đăng ký.

Thông tin liên hệ:

Trung tâm Hộ chiếu TP Neyagawa Phòng Dịch vụ Công dân (phụ trách Hộ tịch & Đăng ký cư trú) ☎ 072-801-1073

3. Dịch vụ công cộng

Khi thanh toán phí công cộng, có thể chuyển khoản từ bưu điện hoặc ngân hàng nên rất tiện lợi. Cũng có thể thanh toán được tại các cửa hàng tiện lợi. Khi thanh toán muộn (quá thời hạn) cũng có trường hợp mất thêm phí.

(1) Nước máy

(Thông báo về lượng nước sử dụng và tiền nước, được phát hành 2 tháng 1 lần)

Khi muốn sử dụng nước máy, khi muốn dùng sử dụng nước máy, muốn tìm hiểu về phí nước máy liên lạc theo thông tin phía dưới:

Thông tin liên lạc:

Đơn vị cấp thoát nước tầng 3-Bộ phận kinh doanh tổng hợp

☎072-824-1177

Thủ tục bắt đầu sử dụng nước hoặc dùng sử dụng nước có thể thực hiện tại trang web

HP:https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/joge_suido/keieisoumu/suidou/suidouryoukintousyuunou/index.html

(2) Rác thải

Rác phân loại theo từng loại riêng biệt cho vào túi bóng trong suốt hoặc bán trong suốt, có kích thước đến 45 lít rồi bỏ ra nơi quy định. Phân loại rác ①Rác cháy được、②rác không cháy được、③các loại bột lửa, pin...、④đồ điện gia dụng kích thước nhỏ, pin loại sạc điện có kích thước nhỏ、⑤lon, chai、⑥nhựa phế thải (bao bì, đồ đựng bằng nhựa), chai nhựa、

ご使用水量のお知らせ
いつもご利用いただきありがとうございます。

お客様番号	メーター番号	用途	お名前

振替日 今回振替日

今回指示額(A)	m ³
前回指示額(B)	m ³
メーター初期の初期水量(C)	m ³
ご使用水量(A)-(B)+(C)	m ³

ご使用月分
請求予定金額 うち消費税等
水道料費10% 円() 円()
下水道料費 円() 円()
振替金額 円()

この通知のうえで、集まることになりまふ。 次回振替予定日

連絡先

口座振替済みのお知らせ

ご使用月分
ご使用水量 m³
振替日 うち消費税等
水道料費 円() 円()
下水道料費 円() 円()
振替金額 円()

上記のご請求内容に間違いがございましたら、
お手紙によるご連絡ください。

登録番号 豊能市上下水道局(本局) 〒180020000152
豊能市上下水道局(下水道局) 〒18002000154
豊能川市上下水道局 経営総務課
豊能川市本町15番1号 TEL 072-824-1177
豊能市(072)824-1177

- ⑦giấy báo cũ, quần áo cũ, ⑧rác tạm thời, ⑨sản phẩm là đối tượng đồ điện tái chế,
⑩bình xịt, bóng đèn điện, ⑪những đồ vật như máy tính phải phân loại.

Hãy tuân thủ quy định đổ rác đúng, cố gắng giảm lượng rác thải và tái chế.

Tùy vào từng nơi sinh sống mà địa điểm và ngày đổ rác sẽ được quyết định khác nhau. Khi chưa rõ có thể hỏi hàng xóm của mình.

• Rác cháy được thải ra từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, cho vào túi bóng trong suốt hoặc bán trong suốt, đổ ra nơi đã được quy định trước 9h sáng của ngày thu rác.

• Ngày thu rác và phân khu rác thải, kiểm tra lịch thu rác của thành phố Neyagawa.

※Lịch đổ rác được soạn thảo ra 6 thứ tiếng: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha,

Tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Việt.

Địa điểm phân phát lịch đổ rác (tầng 1 quầy thông tin tầng 1 toà thị chính, quầy lễ tân tầng 1 tòa nhà công dịch vụ Neyagawa, trung tâm làm hộ chiếu, các trung tâm hành chính (bao gồm quầy dịch vụ Horimizo), quầy lễ tân tầng 1 của trung tâm phúc lợi bảo hiểm, trung tâm dọn vệ sinh)

Thông tin liên lạc:

• Thu rác gia đình : Tầng 2 -Trong trung tâm vệ sinh-Bộ phận kinh doanh môi trường

☎072—820—7400

• Lịch thu rác: Tầng 6 trong trung tâm vệ sinh-Phòng tổng hợp môi trường **☎072—824—0911**

※Thứ 2~ thứ 8:30~17:00 (trừ thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, cuối năm, đầu năm 31/12~3/1)

(3) Cách đổ rác, các loại rác

① Rác cháy được (tuần 2 lần)

Nơi đổ rác : nơi thu gom rác

Những đồ bỏ đi :



Rác tươi



Cành cây, lá khô



Chăn ga, thảm trải



Túi, cặp, giày...



Băng video, băng đài (có vỏ hộp)



bim, tờ trẻ em (những vật bản cần được loại bỏ)

Những loại khác
Đồ lót, vải cũ như khăn tay... giấy cao cổ, tóc giả, quần áo mưa, thú nhồi bông, album, những loại giấy đặc biệt như: giấy bản, giấy nhay cảm với nhiệt

※ Chú ý

- Rác tươi hãy để ráo nước buộc chặt túi rác rồi đổ.
- Rác cây xanh, cành cây cho vào túi rác 45l, 2~3 túi.

(Nếu vượt quá thì sẽ cho vào rác thứ ⑧ rác tạm thời.)

- Chăn cho vào túi rác hoặc dùng dây buộc lại rồi bỏ đi. (trên 3 tấm sẽ cho vào loại rác thứ ⑧ rác tạm thời)
- Chăn, cành cây... nên vứt vào ngày thứ 6.

② Rác không cháy được (Tháng 2~3 lần, Thứ 4 tuần thứ 1.3.5 trong tháng)

Nơi đổ rác : Nơi thu gom rác

Những đồ bỏ đi :



Đĩa CD, DVD... (gồm cả hộp)



Lò vi sóng



Quạt điện



Đồ chơi
(sản phẩm kim loại, sản phẩm nhựa)



Thùng



Bóng điện tròn
(Tuy nhiên, Bóng đèn huỳnh quang cho vào những điểm tập kết)

Những thứ khác bao gồm, xe 3 bánh, nồi nhôm, các loại bút dạ, miếng xốp ghép, xô (sản phẩm nhựa, sản phẩm kim loại), các chai lọ không sử dụng cho đồ ăn

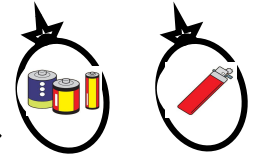
Các sản phẩm điện kích thước nhỏ như Máy tính bảng, máy ảnh kỹ thuật số, hãy bỏ vào các hộp thu hồi được đặt tại các khu công cộng.

※ Chú ý

• Rác không cháy được nên bỏ đến 2 túi 45l. (nếu nhiều hơn sẽ cho vào loại thứ ⑧ rác tạm thời).

• Những đồ vật như: đinh, dao cao rêu, kính, đồ dễ vỡ... bỏ vào giấy và hiển thị “kíchin” rõ để ra nơi thu gom rác.

• Bật lửa, pin loại ③, nhiệt kế thủy ngân, đinh, dao cạo râu, những đồ dễ vỡ hãy cho mỗi thứ vào 1 túi trong suốt riêng, rồi vút.



• Hộp mực máy in hãy cho vào hộp thu gom tại các cửa hàng bán mực in.

• Những đồ vật dưới đây không phải là rác không cháy được mà là loại rác ⑧ -rác tạm thời.

- (1) Lượng rác nhiều hơn 3 túi 45L.
- (2) Đồ đạc trong nhà, tủ gỗ (khi tháo ra sẽ là rác tạm thời).
- (3) Đồ vật có kích thước trên dọc 40cm * ngang 100cm * sâu 40cm, cân nặng vượt quá 10kg.
- (4) Các thiết bị có thiết bị đánh lửa như bếp ga, lò sưởi (có khả năng gây ra cháy)

(5) Khi vứt bỏ lượng rác lớn vì chuyển nhà...

③ **Bật lửa, pin**

• Tùy vào từng loại pin mà cách vứt cũng khác nhau. Hãy vứt theo hướng dẫn sau:

(1) Pin khô, pin loại đồng xu -> loại ② -rác không cháy được.

(2) Pin kiểu cúc áo -> hãy cho vào hộp thu hồi được đặt tại các cửa hàng bán pin.

(cũng có thể vứt vào loại ② -rác không cháy được.)

(3) Các loại bật lửa -> ② -rác không cháy được.

※ Trường hợp vứt pin, bật lửa vào rác không cháy được nhất định phải cho riêng

từng loại vào túi bóng trong.

④ **Pin sạc điện loại nhỏ, đồ điện gia dụng nhỏ**

• Hãy cho vào các hộp thu hồi được có đặt tại các cơ sở công cộng.

(Những loại pin nhỏ cũng có thể vứt vào loại ② -rác không cháy được.)

(1) Pin sạc có kích thước nhỏ => cho vào hộp màu vàng.

• pin Ni-cd, pin niken hydro (Ni-MH),

Pin lion (Li-ion).



Các ký hiệu ở trên là dấu hiệu nhận biết

(cũng có thu hồi pin sạc dự phòng, pin thuốc lá điện tử, pin của các loại xe đạp điện, xe trợ lực...)

(2) Đồ điện gia dụng kích thước nhỏ => Cho vào hộp màu xanh

• cho những đồ vật vừa hộp có kích thước ngang 31cm*đọc 15cm.

Ví dụ: điện thoại, máy tính bảng, máy ảnh kỹ thuật số, USB, Máy ghi hình, máy nghe nhạc, máy chơi game...



【Nơi có đặt hộp thu hồi】

Toà thị chính thành phố, trung tâm phúc lợi bảo hiểm, các trung tâm hành chính thành phố (bao gồm quầy dịch vụ Horimizo), (trụ sở trung tâm hành chính phía Tây), trung tâm làm hộ chiếu, trung tâm xúc tiến nông nghiệp, hội trường thành phố, phòng tập thể dục công dân, Khu vui chơi dành cho trẻ em, các trung tâm liên lạc (bao gồm cả khu phía nam, trung tâm esupoaru, siêu thị aoen mall nishijonawate (chỉ những đồ điện kích thước nhỏ, không dạng sạc điện), trung tâm chăm sóc sức khoẻ.

⑤ Chai, lon (1 tháng 2 lần、 Thứ 4 tuần thứ 2,4 trong tháng)

Nơi đổ rác : Nơi thu gom rác

Vứt những loại sau :



Chai



Lon nhôm, lon thép



Lon kẹo, lon đồ hộp

※ Chỉ với những lon, chai sử dụng trong thực phẩm, đồ uống.

※ Chú ý

- Hãy rửa qua chai, lon.
- Hãy tháo nắp chai.
- Những loại chai trả lại (ví dụ; chai rượu, chai xì dầu, chai bia tươi) hãy trả lại các điểm bán hàng để tái chế.
- Kính chịu nhiệt, các loại cốc, các loại chai, lon không sử dụng trong đồ ăn nước uống như lọ dùng trong mỹ phẩm hãy vứt vào rác cháy được.

⑥ Nhựa bỏ đi (Bao bì, sản phẩm làm từ nhựa) , chai nhựa (1 tuần 1 lần)

【Khu A ... Thứ 5 hàng tuần、 Khu B ... Thứ 2 hàng tuần】

※ Hãy kiểm tra trên lịch vệ sinh để biết được nơi mình sống là khu A hay khu B.

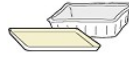
Nơi đổ rác : Nơi thu gom rác

Vứt những loại sau

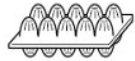
● Những sản phẩm có ký hiệu như bên dưới.



đồ đựng mì ăn liền



Khay đựng đồ ăn



Hộp đựng trứng



Chai nhựa



Chai đựng dầu

...

※ Chú ý

• Chai nhựa, đồ nhựa bóc bỏ nhãn, nắp cho vào túi trong suốt hoặc bán trong suốt rồi vứt ra nơi đổ rác. Rác nhựa và chai nhựa PET có thể cho chung vào một túi để mang đi đổ.

• Các loại túi bọc đồ hàng hoá (chống đập hàng hoá), đồ đựng làm bằng giấy vứt vào loại

① rác cháy được. Hãy nhìn kỹ trước khi vứt rác.

• Những sản phẩm xô, chậu, đồ chơi cho dù chất liệu là nhựa vẫn cho vào ② rác không cháy được.

• Hãy rửa qua rồi vứt, những thứ rửa vẫn không sạch cho vào cùng túi rác loại ① rác cháy được.

• Hãy tuân thủ quy định về việc đổ chai nhựa



⑦ Giấy báo cũ, quần áo cũ (1 tuần 1 lần)

【Khu A ... Thứ 2 hàng tuần、Khu B ...Thứ 5 hàng tuần】

※ Hãy kiểm tra trên lịch vệ sinh để biết được nơi mình sống là khu A hay khu B.

Nơi đổ rác : Nơi thu gom rác

Vứt những loại sau:

Sách,giấy,báo cũ

Quần áo cũ



Báo

tạp chí

Thùng giấy



hộp sữa



Giấy khác(hộp bánh
keo,lõi giấy vệ sinh...)



Áo phông...

quần bò...

....

※ Giấy báo cũ và quần áo cũ cho vào túi trắng riêng biệt hoặc dùng dây buộc lại.

※ Chú ý

- Khi bỏ lượng thùng giấy lớn do chuyển nhà. . . cho vào rác tạm thời ⑧.

Những đồ dưới đây không thuộc loại rác giấy báo cũ, quần áo cũ mà thuộc rác loại ①-rác cháy được.

Những loại giấy bản, có dính mùi, giấy được mạ nhôm. . .

Những loại vải không phải là quần áo cũ (các loại quần áo lót, khăn các loại. . .)

• Giấy báo cũ, quần áo cũ cố gắng vứt vào khu thu hồi rác tái chế tập thể nơi bạn sinh sống.

⑧ Rác tạm thời (rác khổ lớn, rác khi chuyển nhà : mất phí)

★Được trung tâm vệ sinh thu. (hẹn trước,mất phí)

★Cũng có thể mang trực tiếp đến trung tâm vệ sinh. (không cần hẹn trước, mất

phí)

Vớt những loại sau:



Bàn



Xe đạp



ghế sofa



Bếp ga



tủ đựng



bếp ga mini



Lò sưởi

※Chú ý

- Những loại dưới đây sẽ là rác tạm thời.
 - (1) Khi lượng rác nhiều hơn 3 túi 45L.
 - (2) Tủ gỗ, đồ dùng gia đình (cho dù tách ra thì vẫn là rác tạm thời).
 - (3) Khi đồ có kích thước trên: dọc 40cm*ngang 100cm*sâu 40cm, nặng trên 10kg.
 - (4) Những đồ vật có bộ đánh lửa như bếp ga, lò sưởi (vì lo ngại phát ra lửa).
 - (5) Lượng rác nhiều do chuyển nhà. . .
- Hãy lấy pin, dầu hoả của bếp ga hoặc lò sưởi ra trước khi vớt.
- Ti vi, điều hoà (gồm cả dàn nóng), máy giặt (gồm cả sấy quần áo), tủ lạnh thì hãy tham khảo cách vớt của loại ⑨-sản phẩm đồ điện tái chế.
- Màn hình máy tính hoặc máy tính xách tay hãy tham khảo cách vớt loại ⑪ máy tính

★Thu gom rác (hẹn trước, mất phí)

Thời gian làm việc 8 : 30~17 : 00 (thứ 2~ thứ 6)

- Ngày lễ ngoài thứ 7 và chủ nhật vẫn nhận.

- Cần phải cùng đứng quan sát khi thu đồ. Vì không thu trong nhà nên hãy để rác trước nhà.

Thông tin liên lạc:

Tầng 2-Trung tâm vệ sinh

- Phòng kinh doanh môi trường ☎072—820—7400

-Số điện thoại đặt lịch hẹn ☎072—868—5374

★Mang rác đến trung tâm vệ sinh (Không cần đặt lịch, mất phí)

Thời gian làm việc 8 : 30~17 : 00 (thứ 2~ thứ 6)

- Ngày lễ ngoài thứ 7 và chủ nhật vẫn có thể mang rác đến.
- Khi làm thủ tục tại quầy lễ tân cần chuẩn bị 「thẻ ngoại kiều hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt」 hoặc 「thẻ bảo hiểm y tế」 、 「thẻ mynumber」 、 「bằng lái xe」 .
- Về quy tắc với những xe tải có lượng rác quá 2 tấn sẽ không được chở vào.
- Đơn vị chuyển nhà đi 1 mình sẽ không được mang vào, nhất định phải đi cùng người trong thành phố có cầm theo giấy tờ tùy thân.

Thông tin liên lạc:

Tầng 2 -Trung tâm vệ sinh - Phòng kinh doanh môi trường ☎072—821—4039

⑨ Sản phẩm đồ điện gia dụng tái chế

Những đồ thuộc đối tượng:



Điều hoà
(kể cả cục nóng)



Ti vi



Tủ lạnh



Máy giặt
(kể cả máy sấy quần áo)

※ Chú ý

• Điều hoà (kể cả cục nóng), ti vi, tủ lạnh, máy giặt (kể cả máy sấy quần áo) theo luật pháp được phép tái chế. Cố gắng yêu cầu cửa hàng thu lại.

※ Nếu không nhờ được cửa hàng thu lại hãy thực hiện theo trình tự dưới đây:

- Trước tiên phải **mua vé đổ rác tái chế tại bưu điện**.
- Tiếp theo xử lý theo 1 trong 3 cách dưới đây。 (①② tính phí riêng)

① Nhờ trung tâm vệ sinh đến nhà thu đồ.

(số điện thoại hẹn trước ☎072—868—5374, hẹn ngày giờ)

② Mang đến công ty, trung tâm tái chế.

③ Mang đến (※) địa điểm thu nhận rác được chỉ định nơi gần nhà bạn nhất.

(※) Ví dụ như công ty lưu thông hàng hoá kobuji (コフジ物流株) (3-45- 1

Kasuganishimachi, Hirakata, Osaka ☎072-808-3611.

⑩ Đèn huỳnh quang, bình xịt (chỉ có thể vứt ở chỗ được chỉ định)

Nơi vứt rác : Giỏ thu hồi chuyên dụng (Ví dụ: Hội trường khu dân cư tự quản hoặc là các công trình công cộng.)

Vứt những loại sau :



Đèn huỳnh quang



Bình xịt các loại

※ Chú ý

- Chỉ giới hạn những đồ vật vứt ra từ những hộ gia đình thông thường.
- Việc thu gom tại những nơi đổ rác thì sẽ không được diễn ra.
- Bình xịt, Bình gas mini có gắng sử dụng hết lượng ga trong bình, không cho vào túi mà hãy để nguyên vứt vào giỏ thu hồi rác. (※ Để tránh nguy hiểm không nên làm thủng lỗ trên bình, trong trường hợp bên trong chưa sử dụng hết cũng hãy để nguyên mà cho vào giỏ.)

- Không làm vỡ đèn huỳnh quang, hãy cho vào hộp đã mua và cho vào giỏ.

⑪ Máy tính

Máy tính, màn hình thì hãy phân loại theo như dưới đây:



- Máy tính xách tay hãy cho vào thùng thu hồi chuyên dụng được đặt ở các công trình công cộng trong thành phố.

- Các loại màn hình máy tính, màn hình hiển thị hãy liên lạc hỏi công ty sản xuất hoặc các cửa hàng. Những sản phẩm tự chế không biết rõ nhà sản xuất hãy liên lạc với “hiệp hội xúc tiến PC 3R - tổ chức phi lợi nhuận”

☎ 03 – 5282 – 7685 HP <http://www.pc3r.jp>

- ※ Máy in có thể vứt vào loại rác số ② -rác không cháy được. Các hộp mực máy in hãy cho vào các thùng thu hồi có đặt tại các cửa hàng.

● **Những đồ vật mà thành phố không xử lý được** (Các doanh nghiệp chuyên môn, các cửa hàng sẽ thu hồi)

- Màn hình máy tính, đàn piano, bình cứu hoả, pin hoặc phụ kiện của xe máy, xe ô tô. . .
- Những đồ vật nguy hiểm: chất dễ pha loãng sơn, nhiên liệu, dầu thải, sơn, bình ga, hoá chất. . .
- Những đồ vật khó xử lý: lốp xe, đất, quả tạ, nắp cống, bồn cầu. . .
- Rác thải xây dựng: gỗ phế liệu bỏ ra từ các công trình xây dựng, các công trình cải tạo. . .(như: ngói, chiếu tatami, khối bê tông. . .)
- Các loại kim tiêm khi trị liệu tại nhà (Vì lo ngại tính lây nhiễm nên cần thiết phải trao đổi với các cơ sở y tế)

4. Thông tin tiện lợi cho cuộc sống

(1) Cuộc sống ở khu vực

Khi sống ở Nhật Bản việc nhanh chóng quen với phong tục, quy định ở đây là việc làm rất quan trọng. Nếu có điều gì không hiểu hãy hỏi những người hàng xóm hoặc trao đổi với hiệp hội giao lưu quốc tế neyagawa.

Hơn nữa, tại những nơi bạn sinh sống sẽ có tổ chức có tên là “hội tự quản khu dân cư”, cố gắng tham gia và hoạt động như 1 thành viên của khu phố.

Như đã ghi ở trang 1, Nhật Bản là quốc gia có nhiều động đất.

Việc giao lưu, xây dựng mối quan hệ với người dân xung quanh sẽ giúp bảo vệ tính mạng của bản thân và những người thân yêu khi xảy ra thiên tai.

“Hội tự quản khu dân cư” sẽ có các hoạt động như sau:

- Tích cực dọn vệ sinh, phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai, mở các chương trình sự kiện của khu phố hoặc giúp đỡ lẫn nhau giữa những người dân trong khu phố. . .
- Thông tin về chính quyền khu vực có thể xem trên các tờ rơi khu vực mình sinh sống...

Thông tin liên lạc:

Tầng 1-Toà thị chính thành phố - Phòng xúc tiến hoạt động công dân ☎072—825—2120

Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Neyagawa NPO ☎072—811—5935
 HP: <http://www.nicfa.or.jp>

5. SỨC KHOẺ- BỆNH TẬT

(1) Chế độ bảo hiểm y tế

Người sống tại Nhật Bản từ 3 tháng trở lên, dù là người nước ngoài, cũng bắt buộc phải tham gia bảo hiểm y tế công của Nhật Bản. Tuy nhiên, nếu bạn là công dân của quốc gia có ký kết hiệp định an sinh xã hội với Nhật Bản và được quốc gia đó cấp giấy chứng nhận áp dụng bảo hiểm y tế, thì không cần tham gia bảo hiểm y tế của Nhật.

※ Việc quốc gia của bạn có ký hiệp định với Nhật hay không bạn cần tự kiểm tra.

- Có hai loại bảo hiểm: Bảo hiểm dành cho người lao động (bảo hiểm xã hội / bảo hiểm y tế tại nơi làm việc) và Bảo hiểm y tế quốc dân.

• Khi tham gia bảo hiểm, bạn sẽ được cấp: Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm, hoặc Giấy thông báo thông tin tư cách bảo hiểm (đối với người đã đăng ký thẻ My Number làm thẻ bảo hiểm y tế)

※ Thẻ My Number dùng làm thẻ bảo hiểm y tế: là thẻ My Number đã đăng ký thông tin bảo hiểm y tế.

• Khi đi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, bạn cần xuất trình thẻ My Number (thẻ bảo hiểm y tế) hoặc giấy xác nhận tư cách bảo hiểm, và chi trả 20% hoặc 30% chi phí y tế. Riêng người từ 75 tuổi trở lên tham gia chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, mức chi trả sẽ là 10%, 20% hoặc 30%, tùy theo thu nhập.

(1) Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm sức khỏe tham gia tại công ty)

Người đang đi làm và các thành viên trong gia đình của họ, tùy theo điều kiện, có thể tham gia bảo hiểm y tế tại nơi làm việc. Việc đăng ký tham gia và đóng phí bảo hiểm sẽ được thực hiện thông qua công ty nơi đang làm việc.

※ Bảo hiểm đóng tại nước ngoài về nguyên tắc không thể sử dụng tại Nhật Bản

Thông tin liên lạc:

① Công ty làm việc

② Văn phòng lương hưu hirakata ☎072—846—5011

(2) Bảo hiểm quốc dân

Những người không tham gia được bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc mà lưu trú tại Nhật Bản trên 3 tháng phải tham gia bảo hiểm quốc dân.

●Nơi làm thủ tục:

Tòa nhà công thông tin dịch vụ Neyagawa- Bộ phận dịch vụ công dân tầng 2 (Phụ trách bảo hiểm xã hội quốc dân) ☎072—813—1182

Những việc cần làm

- Đăng ký thông tin cư trú.
 - Đã được xác định là sẽ sinh sống tại Nhật Bản từ 3 tháng trở lên.
 - Không tham gia bảo hiểm dành cho người lao động (bảo hiểm xã hội / bảo hiểm y tế tại nơi làm việc), v.v.
- ※ Để biết chi tiết, vui lòng xem “2. Thủ tục pháp lý (7) Tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân”.

●Thanh toán tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm sẽ được quyết định theo từng năm một, tùy vào thu nhập của năm trước đó.

Tiền bảo hiểm trong 1 năm sẽ được đóng 10 lần từ tháng 6 đến tháng 3 năm tiếp theo.

Phương pháp thanh toán

① Đăng ký trừ tiền tự động từ tài khoản tại ngân hàng hoặc bưu điện, hoặc tại Tòa nhà Công Dịch vụ Thành phố Neyagawa / các City Station (bao gồm quầy dịch vụ Horimizō).


②Cầm giấy liệt kê các khoản thanh toán đến ngân hàng, bưu điện, Tòa nhà Công Dịch vụ Thành phố Neyagawa / các City Station (bao gồm quầy dịch vụ Horimizō), cửa hàng tiện lợi để thanh toán trực tiếp.

③Có thể thanh toán qua ứng dụng linepay hoặc thẻ tín dụng.

Thông tin liên lạc:

Chỉ tiếp nhận qua điện thoại:

Tầng 1 Tòa thị chính (trụ sở chính) – Phòng Dịch vụ Công dân (phụ trách thu và nộp tiền)

 072-813-1189

Tiếp nhận trực tiếp tại quầy:

Tầng 4 Công Dịch vụ Thành phố Neyagawa – Phòng Dịch vụ Công dân (phụ trách thu và nộp tiền)

- “Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm” hoặc “Thẻ My Number dùng làm thẻ bảo hiểm y tế”
 - Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm chỉ được cấp cho mỗi người 1 tấm.
 - Khi đến các cơ sở y tế hãy mang theo Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm hoặc Thẻ My Number dùng làm thẻ bảo hiểm y tế.

Vì Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm hoặc Thẻ My Number dùng làm thẻ bảo hiểm y tế ngoài các cơ sở y tế tại neyagawa vẫn có thể sử dụng được nên khi đi du lịch nên mang theo (tuy nhiên không sử dụng được ở nước ngoài).

※ Chú ý

- Không được mua bán, vay mượn với người khác. Việc đó bị pháp luật cấm, sẽ bị phạt.
- Khi chuyển nhà, phải báo địa chỉ chuyển nhà cho toà thị chính.

- Những Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm hết hạn sử dụng sẽ không sử dụng được. Hãy làm thủ tục thay thẻ mới. Ngày hôm sau sẽ được chuyển phát qua đường bưu điện. (Nếu thẻ My Number hết hạn hiệu lực, vui lòng làm thủ tục tại bộ phận phụ trách thẻ My Number của Trung tâm Hộ chiếu Thành phố Neyagawa.)

- Trường hợp tham gia bảo hiểm sức khỏe của công ty, chuyển nhà ngoài neyagawa (hoặc đi nước ngoài) thì vui lòng tiêu hủy giấy xác nhận tư cách bảo hiểm hoặc trả lại cho bộ phận phụ trách Bảo hiểm Y tế Quốc dân.

※ Trường hợp không thể sử dụng bảo hiểm quốc dân

- Niềng răng, tiêm phòng, kiểm tra sức khỏe, phẫu thuật thẩm mỹ, sinh nở. . .
- Trường hợp bị thương do hành vi phạm pháp, đánh nhau, cố ý làm bị thương. . .

※ Trường hợp không mang theo thẻ bảo hiểm khi đến các cơ sở y tế.

- Trước tiên hãy tự chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, lấy tờ hoá đơn, bảng kê chi phí y tế. Sau đó mang đến toà thị chính và làm thủ tục để nhận lại tiền. Sau khi kiểm tra sẽ nhận lại được khoảng 70-80% số tiền phí đã chi trả.

- Trường hợp khi khám tại các bệnh viện nước ngoài cũng có thể được trả lại 1 phần nào đó. Chi tiết vui lòng liên hệ bộ phận đảm nhiệm bảo hiểm.

※ Chế độ hỗ trợ đăng ký trường hợp khi số tiền phí y tế tự chi trả vượt quá số tiền giới hạn cá nhân tự chi trả.

- Trường hợp số tiền phí y tế vượt quá số tiền giới hạn tự chi trả, sẽ hỗ trợ toàn bộ số tiền vượt quá với lý do “chi phí y tế cao”. Sau 3 tháng đi đến cơ sở y tế sẽ có thông báo tiền “chi phí y tế cao” từ toà thị chính thành phố gửi đến chủ hộ gia đình, hãy làm thủ tục theo hướng dẫn đó.

- Khi làm thủ tục đăng ký có khi cần đến hoá đơn nhận tại các cơ sở y tế, nên cố gắng không đánh mất.

Thông tin liên lạc:

Tầng 2 Công Dịch vụ Thành phố Neyagawa – Bộ phận dịch vụ công dân- (Phụ trách bảo hiểm sức khoẻ quốc dân) ☎050-1721-9283

(2) Khi bị bệnh, bị thương

● Bệnh viện, phòng khám

- Ngày khám bệnh thường là những ngày thường và thứ 7, ngày nghỉ chủ nhật, ngày lễ.
- Khi cấp cứu hãy gọi xe cấp cứu. (☎119)
- Khi nhận thuốc, hãy nghe kỹ cách sử dụng thuốc từ bác sĩ và dược sĩ.
- Những ngày nghỉ hoặc ngoài giờ hành chính, hãy sử dụng phòng khám cấp cứu ngày nghỉ.

● Khám bệnh khẩn cấp vào ngày nghỉ.

Phòng khám trung tâm phúc lợi bảo hiểm của thành phố-☎072—828—3931

Ngày khám bệnh: Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm, đầu năm (30/12~3/1)

Thời gian khám bệnh: 9:30~11:30 12:30~16:30 17:30~20:30 (chỉ với khoa nhi)

Các khoa khám bệnh: Nội khoa, nhi khoa, nha khoa.

Địa điểm: neyagawa-ikedanishimachi-28-22 (Tầng 1 trung tâm phúc lợi bảo hiểm của thành phố)

●Trung tâm cấp cứu ban đêm

Tầng 1 Hội quán Hiệp hội Y sĩ thành phố Hirakata ☎072—840—7555

Ngày khám: Hàng ngày

Thời gian khám: 20:30~6:30 ngày hôm sau

Khoa khám: Nhi khoa (Học sinh trung học năm 3)

địa điểm: hirakatashi-kinya honmachi-2-14-16



●Thông tin về AED

AED là từ viết tắt từ các chữ cái đầu của Automated External Defibrillator, dịch sang tiếng Việt là “máy khử rung tim tự động”. Là thiết bị nhỏ giúp phục hồi trạng thái bình thường của tim bằng cách tạo ra một cú sốc điện cho tim bị co thắt đột ngột (rối loạn nhịp tim). Khi bật nguồn điện lên, sẽ có hướng dẫn cách sử dụng bằng giọng nói (tiếng Nhật), nên ai cũng có thể sử dụng được. (Có cần đánh sốc điện hay không AED sẽ phán định)

Theo thoả hiệp thành phố Neyagawa, các địa điểm công cộng như nhà ga, các siêu thị tiện lợi đều có đặt máy.

Thông tin liên lạc :

Toà thị chính thành phố - Tầng 3-Bộ phận phòng chống thiên tai

☎072—825—2194

(3) Kiểm tra , khám sức khoẻ

Có thể đăng ký khám sức khoẻ cho người trưởng thành tại trung tâm phúc lợi sức khoẻ hoặc các cơ sở y tế uỷ thác. Bằng việc khám sức khoẻ định kỳ có thể đề phòng bệnh, có thể phát hiện sớm được bệnh và chữa trị kịp thời. Chi tiết cụ thể về ngày giờ khám bệnh có đăng trên các phương tiện quảng cáo.

Thông tin liên lạc:

Phòng xúc tiến sức khoẻ thuộc trung tâm phúc lợi sức khoẻ ☎072—812—2002

6. Sinh đẻ, nuôi con

(1) Khi mang thai

Đơn khai báo mang thai”.Sau khi nộp, thành phố sẽ cấp Sổ tay Sức khỏe Mẹ và Bé. Cần có buổi nói chuyện với nhân viên y tế công cộng hoặc nữ hộ sinh . Vì hình thức đặt lịch hẹn trước, vui lòng đặt lịch tại đây và nhập trước thông tin “Đơn khai báo mang thai”.

HP:

https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/kodomo/kosodatesienka/bosi_kenkou/ninpukensinkyousitu/1459123794311.html

• Địa điểm nộp hồ sơ: Tầng 7 – Toà nhà công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa,
Phòng Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ

• Trong thời gian mang thai, bạn có thể đi khám thai tại các phòng khám hoặc bệnh viện có khoa sản phụ khoa. Phòng Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ cung cấp dịch vụ tư vấn sức khỏe miễn phí với nhân viên y tế công cộng, nữ hộ sinh. . .

Nơi liên hệ: Tầng 7 – Toà nhà công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa

Phòng Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ (phụ trách sức khỏe bà mẹ và trẻ em)

☎072-800-7079

(2) Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

- Là sổ tay để ghi lại tình trạng sức khỏe của mẹ và bé trong quá trình nuôi con nhỏ, sinh đẻ, mang thai.
- Nhất định phải mang theo khi đi tiêm phòng, đi khám bệnh tại các trung tâm phúc lợi bảo hiểm hoặc các cơ sở y tế.



(3) Khi sinh con

● Khi sinh con

- Sẽ nhận được “giấy chứng sinh” tại bệnh viện.
- Cầm “giấy chứng sinh” đến bộ phận sổ hộ khẩu của Tầng 2 – Toà nhà công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa nộp giấy đăng ký khai sinh.
- Bố mẹ hoặc một trong 2 người không phải là người Nhật thì cần thông báo lên đại sứ quán hoặc lãnh sự quán.

- Hãy cho trẻ đi khám định kỳ.

Có thể cho bé đi tiêm phòng, khám sức khỏe tại các cơ sở y tế hoặc Tòa nhà công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa

- Tiền trợ cấp sinh đẻ, nuôi con

Với những ai tham gia bảo hiểm sức khỏe, nhận được khi sinh con. Mang thai trên 85 ngày, cho dù có bị sảy thai hay lưu thai vẫn có thể nhận được.

Ngoài ra, đối với người được bảo hiểm đang dự sinh hoặc đã sinh con, phần phí bảo hiểm tương ứng với thời gian trước và sau khi sinh sẽ được giảm.

Chi tiết hãy liên lạc với đơn vị bảo hiểm mà bạn tham gia.

(3) Chế độ trợ cấp phí y tế cho trẻ em

Những người có đăng ký cư trú tại thành phố Neyagawa sẽ được hưởng chế độ trợ cấp một phần chi phí khám chữa bệnh theo bảo hiểm cho trẻ em từ khi sinh ra đến hết độ tuổi học sinh THPT (tính đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi). Trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế thì không được hưởng chế độ này.

Giấy tờ cần thiết

① Giấy tờ xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế của trẻ (ví dụ: thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận tư cách bảo hiểm, thông báo thông tin bảo hiểm...)

② Giấy chứng nhận thuế (thu nhập)

(áp dụng khi: trong năm đăng ký, sau ngày 2/1 có chuyển đến thành phố Neyagawa và có trẻ em từ sau ngày đủ 6 tuổi đến ngày 31/3 đầu tiên kể từ đó)

Nơi liên hệ

Tầng 2 – Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa-Phòng Dịch vụ Công dân

(phụ trách trợ cấp y tế) ☎ 072-800-7108

(5) Hướng dẫn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ sơ sinh

- Khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi

Mang theo phiếu khám trong phần sổ phụ của Sổ tay Sức khỏe Mẹ và Bé, Đến khám tại cơ sở y tế thực hiện khám (trong tỉnh Osaka).

- Khám sức khỏe trẻ giai đoạn từ sau sơ sinh

Mang theo phiếu khám được phát khi khám trẻ 4 tháng tuổi, Đến khám tại cơ sở y tế được chỉ định (trong tỉnh Osaka).

- Khám trẻ 4 tháng tuổi ,1 tuổi 6 tháng tuổi ,lớp học răng miệng cha mẹ – con (khám răng cho trẻ 2 tuổi 7 tháng), Khám trẻ 3 tuổi 6 tháng

- Thông báo về ngày giờ khám sẽ được gửi riêng đến từng gia đình khoảng 1 tháng trước ngày khám.

- Nếu không nhận được thông báo hoặc không thể đi khám đúng ngày được thông báo do lý do như trẻ không khỏe..., vui lòng liên hệ.

Nơi liên hệ: Tầng 7 – Cổng thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa

Bộ phận phụ trách về Trẻ em – Phòng Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ

☎ 072-800-7079 (phụ trách sức khỏe mẹ và bé)

(6) Trợ cấp nuôi con và các chế độ hỗ trợ gia đình đơn thân

(1) Trợ cấp nuôi con (tính đến tháng 9 năm 2025)

Tại Nhật Bản, cha mẹ đang sống cùng con đến khi con tốt nghiệp trung học phổ thông (hết năm mà con tròn 18 tuổi) sẽ được nhận trợ cấp nuôi con.

Nơi liên hệ: Cổng thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 4

Phòng Bảo vệ Trẻ em

☎ 072-800-7051

(2) Chế độ hỗ trợ chi phí y tế cho gia đình bố mẹ đơn thân

Có chế độ trợ cấp một phần chi phí y tế trong phạm vi khám chữa bệnh theo bảo hiểm. Tuy nhiên, chỉ áp dụng cho những người đã tham gia bảo hiểm y tế.

(Trợ cấp y tế cho gia đình đơn thân)

Nơi liên hệ: Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 2

Bộ phận Dịch vụ Công dân (phụ trách trợ cấp y tế) ☎ 072-800-7108

(3) Có thể nhận Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em.

(4) Tiếp nhận tư vấn về cuộc sống và những khó khăn, lo lắng mà gia đình đơn thân đang gặp phải.

Nơi liên hệ: Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 4

Phòng Bảo vệ Trẻ em.

☎ 072-800-7051

(7) Khi muốn gửi trẻ (nhà trẻ...)

(1) Cơ sở giữ trẻ (Nhà giữ trẻ trong các văn phòng, nhà trẻ được công nhận, địa điểm giữ trẻ)

Là các cơ sở trông giữ trẻ nhờ những người bảo hộ khi gia đình vì bận đi làm... không thể trông trẻ ở nhà được.

• Điều kiện sử dụng:

Tháng làm việc trên 64 tiếng, người mang thai, sinh con, bị bệnh, bị thương, bị khuyết tật, chăm sóc, người sống cùng, khắc phục thiên tai, tham gia các hoạt động tìm kiếm việc làm, học tập có tính liên tục...

• Lứa tuổi trông giữ: về nguyên tắc từ khi hết thời gian nghỉ thai sản đến trước khi đi học.

- Phí trông giữ: được quyết định tùy thuộc vào số tiền thuê thành phố của người giám hộ (bố và mẹ) của gia đình trẻ. Trong cùng một hộ gia đình, từ đứa con thứ hai trở đi, phí giữ trẻ sẽ là 0 yên.

- Cách đăng ký: Nộp đơn điện tử qua Logo Form
- Giấy tờ cần thiết khi đăng ký: Các giấy tờ chứng minh lý do cần gửi trẻ (ví dụ: đi làm, đi học, ốm đau... theo quy định)

Thông tin liên lạc:

Cổng thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 4

Phòng chăm sóc trẻ em ☎072—800—7087

(3) Nơi trông trẻ em sau giờ học.

Được thiết lập tại các trường tiểu học với mục đích thực hiện nuôi dạy trẻ khoẻ mạnh, cung cấp địa điểm sinh hoạt, vui chơi thích hợp vào những ngày nghỉ dài hoặc sau giờ tan học ở trường dành cho những học sinh tiểu học mà, vì lý do nào đó như đi làm... mà phụ huynh không có nhà vào buổi trưa.

- Khi sử dụng dịch vụ phải đăng ký (mất phí)

Thông tin liên lạc:

Toà nhà thị chính phía đông tầng 1— uỷ viên ban giáo dục thành phố neyagawa— Phòng xúc tiến giáo dục xã hội

☎072—813—0075

(8) Hỗ trợ nuôi dạy trẻ

(1) Nơi sinh hoạt cho cha mẹ và bé

Là nơi có thể trao đổi về việc nuôi dạy con cái, trao đổi các thông tin thông qua các buổi đào tạo, hội thảo, còn có thể giao lưu được với những bậc cha mẹ khác, là nơi vui chơi của bố mẹ và con cái.

Đối tượng: trẻ em từ 0 tuổi đến khi đi học và người giám hộ (bố, mẹ) đang sinh sống tại Neyagawa

Thời gian sử dụng: 10:00~16:00

Ngày nghỉ: chủ nhật tuần thứ 2 trong tháng, 29/12~3/1

Thông tin liên lạc: Nơi sinh hoạt cho cha mẹ và bé ☎ 072—811-3003

※ Tháng 4 năm 2026 sẽ chuyển sang “Thư viện trẻ em +plus”.

(2) Dịch vụ nữ hộ sinh MYCITY đến thăm nhà

Dành cho phụ nữ mang thai và em bé đến 4 tháng tuổi... sẽ đến thăm gia đình trao đổi, cho lời khuyên về việc nuôi con, cho con bú, sự phát triển của trẻ, tình trạng sức khỏe bà mẹ sau sinh...

Hình thức đăng ký: có thể gọi điện trực tiếp hoặc đăng ký qua mã QR trong sổ tay Mẹ & Bé (bản phụ).

HP:

https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/kodomo/kosodatesienka/bosi_kenkou/ninpukensinkyousitu/1615429012330.html

Thông tin liên lạc: Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 7, Phòng hỗ trợ nuôi dạy trẻ ☎072-800-7079

(3) Đến thăm trẻ (※ Trừ những gia đình đã được tới thăm khi mới sinh)

Tất cả gia đình có em bé đến 4 tháng tuổi sẽ được nhân viên y tế (như y tá cộng đồng) đến thăm nhà, tư vấn – hướng dẫn nuôi con và tặng tạp chí “Cầm nang nuôi con”.

Gia đình thuộc diện này sẽ được gửi bưu thiếp trước (không cần đăng ký). Nếu đến mà vắng nhà, nhân viên sẽ quay lại nhiều lần.

※ Nhân viên đến thăm là những người đã được đào tạo, họ sẽ mang theo giấy tờ tùy thân đến thăm.

※ Với những gia đình không có bảng tên thì tạp chí thông tin sẽ không tới được.

Vì vậy mà gia đình có gắng treo thẻ tên ở trước cửa.

Thông tin liên lạc:

Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng 7, Phòng hỗ trợ nuôi dạy trẻ
☎072-800-7079

HP: http://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/kodomo/kosodate_sienka/kosodatesien/kosodate_navi/1379573821323.html

(4) Nếu có trở ngại khi nuôi con

① Tư vấn nhi đồng

Tư vấn về nuôi dạy con, kỷ luật, trẻ hư/vi phạm, và khuyết tật...

Thông tin liên lạc:

Trung tâm gia đình trẻ em trung ương osaka ☎072—828—0161

HP: <https://www.pref.osaka.lg.jp/soshikikarasagasu/kodomokatei/index.html>

② Tư vấn trẻ em

Tư vấn những vướng mắc, vấn đề liên quan đến trẻ em cho đến khi 18 tuổi.

Thông tin liên lạc:

Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa, tầng4, Tư vấn trẻ em-Bộ phận

bảo vệ trẻ em

☎072—838—0181

③ Hỗ trợ liên quan đến vấn đề bắt nạt.

Tại thành phố Neyaga có thiết lập của sở hỗ trợ, tư vấn liên quan đến các vấn đề bắt nạt các đối tượng như phụ huynh học sinh, nhi đồng là học sinh tiểu học, trung học.

Phương pháp sử dụng: hãy gọi điện, gửi thư đến tổng đài hỗ trợ phía dưới. Hoặc cũng có thể sử dụng trực tiếp qua phần mềm ứng dụng công khai của thành phố Neyagawa.

Ngoài ra với những học sinh đang theo học tại các trường trung học, tiểu học của thành phố hãy gửi những tờ rơi được phát hàng tháng có các thông tin bắt nạt.

Thông tin liên hệ: trụ sở chính thành phố Neyagawa tầng 3 - phòng cảnh sát

☎0120-783-066

(Tổng đài tư vấn, hỗ trợ vấn đề liên quan đến bắt nạt)

Email: kansatsu@city.neyagawa.osaka.jp

④ Số điện thoại 110-nhân quyền trẻ em

Tư vấn về các vấn đề bị bắt nạt, bạo hành thể xác, không muốn đi học, hành động không tốt...

Thông tin liên lạc

- Bộ tư pháp (quay số miễn phí) ☎0120—007—110
- Từ điện thoại IP gọi lên văn phòng pháp lý osaka ☎06—6942—1183

(9) Khu vui chơi trẻ em RELATTO

Là nơi hỗ trợ tổng hợp nuôi dạy trẻ với những đối tượng là những phụ nữ đang mang thai, những người đang nuôi dạy con nhỏ và những trẻ chưa đi học thông qua việc “vui chơi”, “giao lưu”, “tư vấn”.

● Những việc có thể làm

(1) Công viên nụ cười trẻ em

Những trẻ chưa đi học, các bậc phụ huynh của trẻ có thể vui chơi. Có thể tận hưởng được rất nhiều trò chơi từ những thiết bị lớn như bể bơi... cho đến những trò chơi đơn giản.

(2) Gửi trẻ thời gian ngắn.

Những trẻ em từ 3 tháng tuổi đến khi đi học là công dân của neyagawa có thể gửi thời gian ngắn theo từng giờ. Có thể đặt lịch trước từ ứng dụng công khai

“motto neyagawa” 「もっと寝屋川」

(3) Trung tâm hỗ trợ gia đình

Là hệ thống chế độ thành viên gặp gỡ và giúp đỡ nhau việc nuôi dạy con cái ở trong cùng khu vực. Kết nối với những người các thành phố lân cận, trong cùng thành phố mà muốn hỗ trợ việc nuôi dạy con cái. Và những phụ huynh của trẻ từ 0 đến 12 tuổi hiện đang sống trong thành phố muốn nhận sự hỗ trợ về việc nuôi dạy con cái.

(4) Khoá học

Là khoá học thú vị cho bậc phụ huynh và trẻ em, các khoá học giúp việc nuôi dạy con cái đổi mới hơn có kèm dịch vụ giữ trẻ tạm thời.

Thông qua các lễ hội theo mùa, làm cho phụ huynh vui vẻ hơn trong quá trình nuôi dạy con.

● Phương pháp sử dụng

(1) Công viên nụ cười trẻ em: Sử dụng sau khi đăng ký thành viên. (Sử dụng có mất phí)

(2) Giữ trẻ tạm thời: Sau khi nói chuyện (đăng ký), có thể sử dụng bằng việc đăng ký trước thông qua điện thoại hoặc ứng dụng (sử dụng mất phí)

※ Tháng 4 năm 2026 sẽ chuyển sang “Thư viện trẻ em +plus”.

(3) Trung tâm hỗ trợ gia đình: Sử dụng sau khi đăng ký thành viên.

(4) Khoá học: Sử dụng sau khi đã đăng ký.

Thông tin liên lạc:

Khu vui chơi trẻ em thành phố neyagawa ☎072—800—3862

(10) Thư viện trẻ em +plus

Thư viện trẻ em +plus là cơ sở hỗ trợ trẻ em và nuôi dạy con, tạo không gian khơi gợi tò mò của trẻ, thúc đẩy thói quen đọc sách và tăng cường hỗ trợ cha mẹ.

● Các dịch vụ

1. Đọc và mượn sách dành cho trẻ em và cha mẹ
2. Cung cấp không gian học tập cho trẻ
3. Khu vui chơi cho trẻ (trẻ chưa vào tiểu học)
4. Giữ trẻ tạm thời
5. Trao đổi thông tin về nuôi con và giao lưu giữa phụ huynh

Thông tin liên lạc:

Công thông tin dịch vụ thành phố Neyagawa tầng 4 –Phòng Hỗ trợ Nuôi dạy Con

7. Trường học, giáo dục

(1) Trường mầm non

- (1) Trường mầm non do thành phố lập (tính đến thời điểm 4/2025)

Trong thành phố có 2 cơ sở cho trẻ 4, 5 tuổi học.

Thông tin liên lạc:

Phòng giáo vụ-ủy ban giáo dục thành phố neyagawa-Toà nhà phía đông trụ sở toà thị chính tầng 2 ☎072—813—0072

- (2) Trường mầm non tư thục (tính đến thời điểm 4/2025)

Trong thành phố có 4 cơ sở cho trẻ từ 3~5 tuổi học.

Thông tin liên lạc:

Liên đoàn mẫu giáo tư thục osaka ☎06—6351—5574

HP: <http://www.kinder—osaka.or.jp/>

(2) Trường tiểu học, trung học

- Năm học bắt đầu vào ngày 1 tháng 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp. Thường 1 năm chia làm 3 học kỳ.
- Giáo trình học của học sinh cấp 1 và cấp 2 được phát miễn phí.
- Tại các trường tiểu học và trung học có cung cấp các suất ăn mất phí.
- Ở tiểu học và THCS đều có ăn trưa tại trường. Tiểu học: phải đóng tiền. THCS: miễn phí.
- Nếu gia đình khó khăn trong việc đóng các khoản cho nhà trường, có chế độ hỗ trợ (trợ cấp học tập). Hãy hỏi thầy cô giáo để được hướng dẫn.

Thông tin liên lạc:

Toà nhà phía đông trụ sở toà thị chính, Uỷ ban giáo dục tỉnh neyagawa, phòng tổng hợp chính sách giáo dục, phòng giáo vụ, Phòng chỉ đạo giáp dục, ☎072—824—1181

HP:

https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/kyoikuinkaijimukyoku/index.html

(3) Trường hợp khi trẻ em có quốc tịch nước ngoài đi học tại các trường ở

Nhật Bản

Tại Nhật bản việc đi học cấp 1,2 là nghĩa vụ, nhưng người nước ngoài thì không có nghĩa vụ đó. Trường hợp muốn đi học, nếu làm thủ tục thì ai cũng có thể đến trường.

● Những thủ tục cần làm để đi học tại Nhật Bản

- Khi đăng ký tạm trú tạm vắng, hãy nói tôi muốn cho con đi học, thì sẽ được hướng dẫn cách đăng ký đi học.

- Được chỉ cho địa chỉ, tên trường cấp 1,2 mà con mình học.

- Đi đến trường học mà đã được chỉ dẫn, nộp thông báo chuyển trường.

Thông tin liên lạc:

Phòng giáo vụ-ủy ban giáo dục tỉnh neyagawa-Toà nhà phía đông trụ sở toà thị chính

☎072—813—0072

● Khi không thông thạo tiếng Nhật

Với những trẻ em, học sinh không hiểu tiếng Nhật, sẽ có thông dịch viên nhằm hỗ trợ cuộc sống tại trường học và giờ học.

Thông tin liên lạc:

Phòng chỉ đạo giáo dục-ủy ban giáo dục tỉnh neyagawa-Toà nhà phía đông trụ sở toà thị chính **☎072—813—0071**

(4) Neyagawa School Park

- Vào các ngày trong tuần sau giờ học, sân trường tiểu học được mở cho trẻ sử dụng như công viên.

- Đối tượng: học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 đang học tại trường đó.

Liên hệ: Tòa thị chính Tòa nhà phía Đông-Tầng 1, Phòng Thúc đẩy Giáo dục Xã hội, Ủy
ban Giáo dục TP Neyagawa ☎ 072-813-0075

HP :

https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/kyoikuiinkaijimukyoku/syakaikyoiikusuishinka/seisyouennkyouiku/24524.html

8. GIAO THÔNG

(1)Xe đạp

Xe đạp hãy để ở những bãi đỗ xe đã được quy định. Nếu đặt dưới đường sẽ gây phiền toái đến nhiều người khác.

Xe đạp cũng giống như xe máy, xe ô tô nếu vi phạm quy định giao thông cũng bị áp dụng phạt tù hoặc bị phạt tiền.

●Khi đi xe đạp

Hãy tuân thủ những quy tắc giao thông dưới đây:

Trường hợp không tuân thủ luật giao thông mà gây ra tai nạn thì cũng bị xử lý rất nghiêm khắc.

- Lưu thông bên trái.
- Với những cung đường chỉ được đi bộ, hãy dắt xe và lưu thông.
- Những đoạn đường có biển báo “Cho phép xe đạp lưu thông-自転車通行可” giảm tốc

độ và lưu thông phân sát rìa đường.

- Khi cản trở sự lưu thông của người đi bộ hãy dừng lại một chút.

- Xe đạp đi 2 người là vi phạm pháp luật.

※ Trường hợp người trên 16 tuổi chở trẻ em dưới 6 tuổi trên xe có ghế ngồi chuyên dụng cho trẻ nhỏ thì không bị coi là vi phạm pháp luật.

- Những người lái xe uống rượu, cho dù là xe đạp thì cũng bị coi là vi phạm pháp luật.
- Vừa lái xe vừa che ô hoặc vừa nhắn tin, gọi điện cũng bị coi là vi phạm pháp luật.

● Chế độ xử phạt vi phạm giao thông bằng biên bản (vé xanh) đối với xe đạp

Từ ngày 1 tháng 4 năm Reiwa 8 (tức 01/04/2026), đối với các hành vi vi phạm nguy hiểm như: vượt đèn đỏ, không dừng lại tại điểm phải dừng (biển dừng), vừa sử dụng điện thoại khi đang đi xe, đi bên phải đường. . . , sẽ được áp dụng hình thức xử phạt “vé xanh” (biên bản xử phạt giao thông).

● Đăng ký an ninh xe đạp

Khi điều khiển xe đạp phải có nghĩa vụ “đăng ký an ninh xe đạp- 「自転車防犯登録」”.

Là chế độ để khẳng định chủ xe.

Khi bị lấy trộm khả năng tìm được lại trả về cho chủ xe là rất cao. Khi bị cảnh sát hỏi lập tức có thể xác nhận được mình là chủ sở hữu của xe, nên không lo lắng mình sẽ bị nghi ngờ ăn cắp xe đạp.

Việc đăng ký thực hiện tại nơi mua xe, giá 600 yên. Trên thẻ đăng ký ghi tên, địa chỉ. . . Trường hợp được người thân nhượng lại cho cũng có thể đăng ký lại đứng tên của mình.

● Thu hồi xe đạp

Tại neyaga khu vực xung quanh nhà ga có “khu vực cấm dựng xe đạp - 自転車等放置禁止区域”

Các loại xe đạp, xe máy... nếu dựng ở khu vực cấm thì sẽ bị thu hồi ngay lập tức.

●Bảo quản xe đạp

Với những xe đã bị thu hồi sẽ được bảo quản ở địa điểm bảo quản ở nhà ga. Những xe không có người đến nhận sẽ được thành phố xử lý.

Trường hợp những xe đã được xác minh chính chủ từ số đã đăng ký, sẽ được thông báo lại bằng bưu thiếp.

●Trả lại xe đạp

Địa điểm trả lại: các địa điểm bảo quản xe đạp của nhà ga. ☎072—824—5165

(neyagawashi uzumasatakatsukachou 7-1)

Thời gian trả lại: Từ thứ 2~ thứ 6, thứ 7 tuần thứ 2,4, chủ nhật tuần thứ 1,3.

9:00~17:00 (trừ ngày lễ, 29/12~3/1)

Phí thu hồi: Xe đạp 2500 yên

Xe trợ lực 4000 yên

Xe có động cơ 5000 yên.

Giấy tờ cần thiết: 1. Giấy tờ tùy thân (Bằng lái xe, thẻ bảo hiểm, thẻ học sinh...)

2. Chìa khoá xe đạp...

3. Con dấu.

4. Giấy thông báo trả lại (những ai nhận được).

Thông tin liên lạc:

Phòng chính sách giao thông – toà thị chính thành phố tầng 3

(2) Dịch vụ xe ghép

Dựa trên việc thực nghiệm hoạt động chuyển xe chung neyagawa - chỉ cần một cuộc điện thoại sẽ chở miễn phí đến những địa điểm nằm trong các khu vực đối tượng đã quy định (siêu thị, bệnh viện...), cùng với hoạt động dịch vụ taxi, chúng tôi mở rộng khu vực đối tượng, và cũng có thể đến những địa điểm mà đã được chỉ định trước dù nó nằm ngoài khu vực đã được quy định.

- Đối tượng: Thẻ hệ bạc (trên 70 tuổi), người đang mang thai, người khuyết tật.
- Khu vực thuộc đối tượng: khu narata (成田地区), khu niwaji (仁和寺地区), khu

kawakita (河北地区)

- Ngày làm việc: Chỉ ngày thường. Thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ tết (29/12~3/1) nghỉ.
- Thời gian làm việc: 9h30~12h30, 14h~17h.
- Thời gian tiếp nhận: 8h45~17h00.

※ Chỉ tiếp nhận vào những ngày làm việc theo lịch.

※ Không tiếp nhận ngoài giờ.

- Thẻ người sử dụng: Khi sử dụng dịch vụ, cần có thẻ người sử dụng.

※ Về việc cấp thẻ, vui lòng nộp “Đơn đăng ký thẻ người sử dụng dịch vụ xe ghép”.

Giá vé:

- Trong khu vực: Miễn phí

- Ngoài khu vực: Có tính phí (300 yên/người) ※ Chỉ áp dụng tại những địa điểm do thành phố chỉ định.

※ Trường hợp vượt quá số lần sử dụng cho phép, thì bất kể trong hay ngoài khu vực, mức phí là 500 yên/người và vẫn có thể sử dụng dịch vụ.

Trình tự các bước thực hiện:

1. Việc gọi điện thoại cho công ty taxi

Hãy nói “Neyagawa noriai taxi-wo onegaishimasu”(Làm ơn cho tôi gặp bộ phận xe taxi ghép).

Địa chỉ liên lạc:

Nihong taxi: 072-827-5151.

Daiichi taxi:072-844-0202.

2.Địa chỉ ,Họ tên,số lượng người,điểm đến của bạn

3.Taxi đến ,lên xe

Thông tin liên lạc:

Phòng chính sách giao thông – Toà thị chính thành phố tầng 3 ☎072 – 824 – 1785

(3) Neya Bus

Trong các tuyến xe buýt Keihan, do 3 tuyến đã bị bãi bỏ kể từ ngày 31 tháng 3 năm Reiwa 6 (31/3/2024), nên từ ngày 1 tháng 4, thành phố sẽ vận hành xe buýt cộng đồng (Neya BUS) theo tuyến cố định và giờ cố định để đảm bảo phương tiện đi lại cho người dân.

- Tuyến đường: Tuyến Kurohara, tuyến Kida-Kawakita, tuyến Koya
- Thời gian biểu: Vui lòng kiểm tra tại biển báo trạm xe buýt hoặc trên trang chủ (website).
- Sơ đồ tuyến: Vui lòng kiểm tra trên website.

- Giá vé: Mỗi lượt đi, người lớn 250 yên, trẻ em 130 yên (có giảm giá cho người khuyết tật).
- Phương thức thanh toán: Chỉ nhận tiền mặt. Tuy nhiên, trong năm Reiwa 7 (năm 2025), dự kiến sẽ triển khai thanh toán không tiền mặt bằng thẻ IC giao thông.
- Hình thức đặt chỗ: Dự kiến trong năm tài chính Reiwa 7 sẽ triển khai đặt chỗ qua LINE (cũng chấp nhận đặt qua điện thoại).

Thông tin liên lạc:

Phòng chính sách giao thông – Toà thị chính thành phố tầng 3 ☎072—813—1207

(4) Hoạt động trợ cấp khuyến khích sử dụng giao thông công cộng

Trong thời gian từ ngày 1/4/Reiwa 7 (01/04/2025) đến ngày 27/2/Reiwa 8 (27/02/2026), sẽ trợ cấp một phần chi phí sử dụng phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, tàu điện) khi thanh toán bằng thẻ IC giao thông.

● Đối tượng

Là những người có tên trong sổ đăng ký cư trú cơ bản của thành phố Neyagawa tại thời điểm ngày 1/7/Reiwa 7 (01/07/2025), thuộc một trong các nhóm sau:

- ① Người từ 65–69 tuổi thuộc thể hệ cao tuổi được miễn thuế cư trú
- ② Người từ 70 tuổi trở lên (thể hệ cao tuổi)
- ③ Phụ nữ mang thai (chỉ áp dụng trong thời gian mang thai)
- ④ Người được cấp một trong các loại sổ sau:
 - (1) Sổ người khuyết tật thể chất
 - (2) Sổ phục hồi chức năng
 - (3) Sổ phúc lợi bảo hiểm y tế cho người khuyết tật tâm thần

● Mức trợ cấp

Với những đối tượng thuộc nhóm ①～③ Tối đa 4.500 yên

với những đối tượng thuộc nhóm ④ Trong đó:

- Loại 1 và (3) hạng 1 Tối đa 4.680 yên
- Loại 2 và (3) hạng 2-3 ... Tối đa 2.340 yên

● Thời gian nộp đơn

Từ ngày 1/7/Reiwa 7 (01/07/2025) đến ngày 27/2/Reiwa 8 (27/02/2026)

※ Nếu gửi qua bưu điện: tính theo dấu bưu điện ngày 27/2 là hợp lệ.

● Hồ sơ cần thiết khi đăng ký

- ① Đơn xin cấp trợ cấp chương trình khuyến khích sử dụng giao thông công cộng
- ② Bản sao thông tin tài khoản ngân hàng (trang mở ra sau bìa – trang đối diện)
- ③ Lịch sử sử dụng của thẻ IC giao thông
- ④ Bản sao sổ tay mẹ và bé (trang bìa và trang thông tin người bảo hộ/giấy chứng nhận đã nộp khai sinh – trang 1) 【chỉ dành cho phụ nữ mang thai】
- ⑤ Giấy chứng nhận đi xe (bản gốc) 【chỉ dành cho người sử dụng Neya BUS】

● Nơi nộp đơn

- ① Phòng Chính sách Giao thông (tầng 3 trụ sở chính tòa thị chính)
※ Có thể gửi qua đường bưu điện đến Phòng Chính sách Giao thông
- ② Các City Station (bao gồm quầy dịch vụ Horimizu)
- ③ Quầy tư vấn tổng hợp tầng 1 – Neyagawa City Service Gate

Thông tin liên lạc:

Phòng chính sách giao thông – Toà thị chính thành phố tầng 3 ☎072—813—1207

9. TIỀN THUẾ, BẢO HIỂM

(1) Tiền thuế

Kể cả người nước ngoài cũng phải đóng tiền thuế như người Nhật. Tiền thuế có những loại như dưới đây:

“Thuế thu nhập-(所得税)”, “thuế thị dân-(住民税)”, “thuế tiêu dùng-(消費税)”, “thuế xe ô tô-(自動車税)” (trường hợp sở hữu xe), “thuế tài sản cố định-(固定資産税)” (như: nhà ở, đất đai...)

●Thuế thu nhập

Là số tiền ứng với số thu nhập của từng cá nhân. Những người nhận tiền lương từ công ty, hàng tháng sẽ bị trừ trực tiếp từ tiền lương.

- Với những người nghỉ việc giữa chừng, hãy nhận “giấy báo cáo thu nhập-(源泉徴収票)” cho đến thời đó.

- Với những người trả tiền phí y tế cao, những người bắt buộc phải chi số tiền lớn do thiên tai... có thể khai báo thuế và sẽ được hoàn thuế thu nhập.

- Điều chỉnh thuế cuối năm-年末調整 (Với những người làm việc trong công ty)

Tiền thuế được thu từ tiền lương hàng tháng. Cuối năm sẽ thực hiện điều chỉnh số tiền thuế còn thiếu hay thừa trong 1 năm. Thủ tục làm tại công ty.

●Thuế thị dân

Thuế thị dân trả bằng tiền thuế ứng với thu nhập của năm trước đó, tiền thuế sẽ được trả cho khu vực sinh sống hiện tại kể từ ngày 1/1.

Sau khi nghỉ việc, sẽ có trường hợp mất thuế cho năm tiếp theo, vì vậy khi về nước nộp thông báo của đơn vị nộp thuế cho toà thị chính.

- Thuế tiêu dùng

Là tiền thuế trả khi tiếp nhận các dịch vụ, mua sắm. . .

Thông tin liên lạc:

Tầng 4 – Công thông tin dịch vụ Neyagawa

Phòng Dịch vụ Công dân (Phụ trách chế độ thuế & thuế cư dân ☎ 072-813-1114

Tầng 4 – Công thông tin dịch vụ Neyagawa

Phòng Dịch vụ Công dân (Phụ trách thuế tài sản cố định) ☎ 072-813-1132

(2)Bảo hiểm

- Bảo hiểm chăm sóc

Những người trên 60 tuổi, những người tham gia bảo hiểm y tế từ 40 đến 64 tuổi. Nếu đáp ứng được các điều kiện đó, khi cần thiết phải chăm sóc thì sẽ có thể sử dụng được dịch vụ chăm sóc này.

Thông tin liên lạc:

Phòng chăm sóc người cao tuổi - thuộc trung tâm giao lưu thành phố

☎072—838—0518

10. ĐỊA ĐIỂM TƯ VẤN KHI GẶP KHÓ KHĂN, LỚP HỌC TIẾNG NHẬT

(1) Cuộc sống hàng ngày

- 「Quà tư vấn cuộc sống dành cho người nước ngoài」

Tại đây sẽ thực hiện tư vấn những vấn đề liên quan đến cuộc sống, thủ tục hành chính... giới thiệu các cơ quan chuyên môn...

Thời gian: Thứ 3, thứ 7 13:30~17:00

Địa điểm: Tầng 1 hội trường thành phố Neyagawa Neyagawa-hadachou-41-1

Ban thư ký hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Neyagawa ☎072—811—5935

※ Tiếng Nhật, tiếng Anh (Những ngôn ngữ khác hãy trao đổi với chúng tôi)

HP:

https://www.city.neyagawa.osaka.jp/organization_list/shiminkatsudou/shiminkatsudou/tosi_kouryu/tabunka_kyousei/1378369143831.html

HP: <https://www.niefa.or.jp/foreigners.htm>

(2) Lớp học tiếng nhật

- Lớp học tiếng nhật yomikaki

Đối tượng: Nguyên tắc trên 15 tuổi (trừ học sinh cấp 3, sinh viên đại học, du học sinh)

Thời gian: thứ 4, ① 14 : 00~16 : 00 ② 18 : 45~20 : 45

Địa điểm: Hội trường Esupoaru Neyagawa

Thông tin liên lạc:

Phòng xúc tiến giáo dục xã hội-ủy viên giáo dục thành phố Neyagawa- Tầng 1 - Hội trường phía đông của thành phố. ☎072—813—0076

●Lớp học tiếng nhật

Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Neyagawa NPO thành lập lớp học tiếng nhật giúp đỡ người nước ngoài.

Đối tượng: trên 15 tuổi

Thời gian: thứ 3 hàng tuần 13:30~15:00 19:00~20:30

Địa điểm: Hội trường thành phố

Thông tin liên lạc:

Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Neyagawa NPO ☎072—811—5935

HP: <https://www.niefa.or.jp/foreigners.htm>

●Cũng có thể học hội thoại, ngữ pháp trên internet hoặc qua đài radio

• *Tiếng nhật đơn giản NHK WORLD*

(Tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc-Triều Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Việt, Tiếng Thái, Tiếng Indonesia, tiếng Pháp, tiếng Ấn Độ, tiếng Ả Rập, tiếng Bengali, Tiếng Nga, tiếng Ba Tư, tiếng Urdu, tiếng Mianma, tiếng Swahiri, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Ukraina)

HP:<https://www.nhk.or.jp/lesson/> (Nguồn : NHK WORLD)

• *Tiếng Nhật đơn giản NHK Radio Podcast*

HP:https://www.nhk.or.jp/podcasts/lang_lesson.html

- Trang web học tiếng Nhật dành cho “người nước ngoài sinh sống (tại Nhật)” của Cơ quan Văn hóa (Bộ Văn hóa Nhật Bản)

HP: <https://tsunagaru.jp.mext.go.jp>

11. NHỮNG TRANG WEB GIÚP ÍCH TRONG CUỘC SỐNG

(1) Cẩm nang cuộc sống Osaka (10 ngôn ngữ)

(Là tài sản công cộng) Do quỹ hỗ trợ giao lưu quốc tế Osaka phát hành. Là cẩm nang về cuộc sống dành cho người nước ngoài đang sống tại Osaka bao gồm đối ứng khẩn cấp, hôn nhân, thuế, lao động, giáo dục, y tế, nơi sống, cuộc sống. . .

HP: <https://ofix.or.jp/2024/06/03/living-guide-released/>

(2) Ứng dụng Phòng chống thiên tai Osaka (Osaka Bousai App)

“Ứng dụng Phòng chống thiên tai Osaka” là ứng dụng đa ngôn ngữ (hỗ trợ tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Hàn) với các chức năng hữu ích sau:

- Kiểm tra tình trạng mở cửa của các điểm sơ tán khi xảy ra thiên tai
- Nhận thông tin phòng chống thiên tai qua thông báo đẩy (push notification)
- Radar mưa có thể xem tình hình mây mưa và vùng dự báo đường đi của bão
- Bản đồ phòng chống thiên tai, giúp kiểm tra đường đi đến nơi sơ tán và khu vực dự kiến bị ngập lụt trong trường hợp khẩn cấp
- Các chức năng hữu ích như còi báo động (buzzer) và đèn pin điện thoại

Đây là ứng dụng rất cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng khi có thiên tai xảy ra.

App_Store (iOS) : <https://apps.apple.com/us/app/id1092387835>

Google_play (Android) : <https://play.google.com/store/apps/details?id=jp.ne.goo.bousai.osakaapp>

DANH SÁCH CƠ SỞ CÔNG CỘNG TRONG THÀNH PHỐ

◆ Trung tâm dịch vụ hành chính

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Tòa thị chính	Honmachi 1-1	824-1181
Ủy ban Giáo dục	Honmachi 1-1	824-1181
Cổng thông tin dịch vụ	Hayaku cho 12-16	824-1181
City Station Kōrien	Kori minami no machi 14-9	832-4131
City Station Kayashima	Kayashina honmachi 19-1	823-6962
Quầy dịch vụ Horimizu	Horimizu 3 choume 10-20	811-5571
City Station phía Tây	Ikeda nishimachi 24-5	838-0324
City Station phía Đông	Uchiage Miyamaecho 3-1	822-3380
Trung tâm cấp hộ chiếu thành phố Neyagawa	Hayakochou 16-11-101	801-1071

◆ Văn hoá. Giao lưu . Thể thao		
Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Nhà văn hóa Arukas	Hayakochō 12-21	821-1240
Trung tâm Thúc đẩy Bình đẳng giới (Furatto Neyagawa)	Higashiōtoshichō 2-14 (Tầng 5 – Trung tâm Xúc tiến Công nghiệp)	800-5789
Trung tâm Hoạt động Công dân	Hatachō 14-1	812-1116
Hội trường Thành phố	Hatachō 14-1	823-1221
Esupoaru (Trung tâm sinh hoạt)	Nishikichō 21-3	828-4141
Bảo tàng Tư liệu Di sản Văn hóa Khảo cổ	Uchiage Miyamaechō 3-1	822-3381
Thư viện Trung tâm	Hayakochō 23-1-401	800-3711
Thư viện phía Đông	Hatachō 14-1	823-0661
Trung tâm Học tập	Meiwa 1-chōme 13-23	822-3311
Trung tâm Giao lưu Công dân Ikenosato	Ikeda nishimachi 24-5	838-0188
Nhà thi đấu thể thao thành phố	Shimokidachō 16-16	824-5858
Trung tâm Hoạt động Ngoài trời	Shimotawara, thành phố Shijōnawate 2237	0743-78-1910
Trung tâm Cộng đồng Tây Bắc	Matsuyachō 20-30	833-0120

Trung tâm Cộng đồng phía Nam	Shimokidachō 16-50	821-0301
Phân nhánh Trung tâm Cộng đồng phía Nam	Horimizu 3 choume 16-6	824-3600
Trung tâm Cộng đồng Đông Bắc	Naritachō 3-3	832-3791
Trung tâm Cộng đồng phía Tây	Kuzuhara 2-chōme 7-1	838-1524
Trung tâm Cộng đồng Tây Nam	Kamikanda 1-chōme 30-1	838-2322
Trung tâm Cộng đồng phía Đông	Takamiya Shinchō 32-2	820-2281
Trạm/Điểm dừng xe đạp	Uzumasa Takatsukachō 7-1	824-2250
Smile	Ikeda Nishimachi 24-5 (Tầng 2 – Trung tâm Giao lưu Cộng dân Ikenosato)	838-0195
Chi nhánh Nozomigaoka (Không gian giao lưu khu vực Nozomigaoka)	Uchiage Takatsukachō 4-1 (Tầng 1 – Trường Tiểu học & THCS Nozomigaoka)	823-2233

◆Nuôi con		
Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm Refresh nuôi dạy trẻ (RELATTO / Riratto)	Nishiki-chō 8 -13	800-3862
Trung tâm Hỗ trợ Gia đình (Family Support Center)	Nishiki-chō 8 -13 (Tầng 2, Trung tâm Kosodate Refresh)	839-8817
Trạm hỗ trợ cha mẹ & con (Oyako Hotto Station)	Tầng 2, Trung tâm Kosodate Refresh 19- 1 ※2026/4 Dự kiến chuyển sang “Kodomo Toshokan +plus”	811-3003
Thư viện Thiếu nhi +Plus	Hayako-chō 23- 2 (Tầng 3, Tòa nhà Advance Neyagawa số 2) ※※Dự kiến khai trương 4/2026	-
■Nhà trẻ công lập		
Trường mầm non Sakura	Tsushima Nishi-chō 15-16	829-0540
Trường mầm non Tanpopo	Uchiage Minami-chō 2-1	823-2433
Trường mầm non Satsuki	Mitsui-ga-oka 4-chōme 10-1	823-7141
Trường mầm non Sazanka	Kotobuki-chō 15-6	834-1555
■Trường mầm non kết hợp nhà trẻ (Kodomoen)		
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Marble – Cơ sở “Ngọc”	Chōejji-chō 22-13	828-9111
Trường Kodomoen Marble – Cơ sở “Mặt trăng”	Shimokida-chō 16-53	823-1367

■Nhà trẻ tư thực		
Trường mầm non Toyono	Toyono-chō 2 -36	821-2150
Trường mầm non Neyagawa Higashi	Hata-chō 34-11	821-0533
Trường mầm non Tokiwagakuen	Koji Minami-chō 16-13	824-5055
Trường mầm non Kunimatsu	Kunimatsu-chō 39- 3	821-6123
Trường mầm non Meitoku	Meitoku 2-chōme 11-18	822-0841
Trường mầm non Uchiage	Umeaoka 1-chōme 5 -35	821-1129
Trường mầm non Kokko	Nakakita-chō 13- 5	820-3939
Trường mầm non Ayame	Kayashima Minami-chō 12- 3	822-1318
Trường mầm non Kaede	Nakakanda-chō 2 - 2	829-8218
Trường mầm non Nadeshiko	iiotomachi 2- 3	832-3777
Trường mầm non Osaka Seibo	Higashikorien-chō 9 - 6	802-5610
■Kodomoen tư thực		
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Eru	Ikeda 1-chōme 20-15	828-5733
Trường mầm non kết hợp nhà trẻHonmachi	Honmachi 13- 3	823-1212
Trường mầm nonTaiyō	Takayanagi 4-chōme 6 -23	827-1291
Trường mầm non Kimmokusei	Kiyamachi 6 - 3	833-1717
Trường mầm non Akashiya	Ishizu Minami-chō 13-10	827-2324
Trường mầm non Kimmokusei số 3	Kahoku Nishi-chō 18- 1	822-0707
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Neyagawa Neya no Mori	Neya 1-chōme 19-10	822-0045

◆Nuôi con		
Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
■Trường mầm non kết hợp nhà trẻ tư thực (Kodomoen)		
Hoikuen Akashiya Số 2	Uchiage Miyamae-chō 6 -26	825-1922
Trường mẫu giáo Kōri	Higashikorien-chō 31- 3	832-5241
Trường mầm non Ikeda	Ikeda Honmachi 4 -10	827-3456
Trường mầm non Sakuragi	Sakuragi-chō 6-11	829-5921
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ NeyagawaNarumi no mori	Nishiki-chō 21- 6	827-1330
Trường mẫu giáo Asahi Gakuen số 2	Kurohara Asahi-chō 5 - 5	826-2485
Trường mẫu giáo Yamanami	Umeogaoka 1-chōme 5 - 1	821-0864
Trường mầm non Niwaji	Ninnaji Honmachi 6-chōme 7 - 2	827-8060
Trường mầm non Kanda	Kamikanda 1-chōme 26-27	838-0234
Trường liên cấp mầm non Elmin	urohara Tachibana-chō 14-23	838-0415
Trường mầm non Ishizu	Ishizu Higashi-chō 20-20	829-0800
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Tachibana	Kida-chō 2 - 8	821-0126
Trường mầm non Himawari	Matsuya-chō 12-10	831-4764
Trường mầm non Hinagiku	Kida Motomiya 1-chōme 13-12	824-3886

Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Komadori	Ninnaji Honmachi 3-chōme 12-20	838-1515
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Shirayuri	Horimizu Kita-chō 25-1	822-3935
Trường mầm non Suzuran	Takayanagi 5-chōme 28- 1	827-5544
Trường mầm non Neyagawa Nakayoshi số 2	Chōeiji-chō 6 -18 (ban đêm)	829-0948
Trường mầm non Neyagawa Nakayoshi	Chōeiji-chō 6 -18	829-0948
Trường mẫu giáo Mitsui chuo	Mitsui-ga-oka 2-chōme 5 - 3	823-6300
Trường mầm non Neyagawa Megumi	Midori machi 13-20	833-0020
Trường mầm non kết hợp nhà trẻ Yurikago	Shimeno yonchoumei 1 -32	827-5555
■Cơ sở giữ trẻ dành cho trẻ đang chờ vào trường		
Cơ sở phụ Yui của Trường mầm non Kim Mokusei	Narita Nish machi 15-12	831-3030
■Cơ sở giữ trẻ nội bộ trong doanh nghiệp		
Trường mầm non Ohisama	Utanichou 1-36	824-1005
Trường mầm non Sen'nari Yakult Tsubame KIDS	Kidachou 29-62	803-8963
■Trường mẫu giáo		
Trường mẫu giáo Kita	Kotobuki-chō 57-3	831-4875
Trường mẫu giáo Keimei	Takayanagi 6-chōme 18-1	828-9789
【Trường tư thực】		
Trường mẫu giáo Uzumasa	Takamiya Asahi-oka 2 - 2	822-2280
Trường mẫu giáo Narita	Narita-chō 10- 8	833-2028
Trường mẫu giáo Neyagawa	Oori-chō 32-33	829-4152
Trường mẫu giáo Keiai	Oori-chō 24- 5	831-1308

◆ Y tế và Phúc lợi

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm y tế và phúc lợi	池田西町28番22号	838-1631
Văn phòng phúc lợi (đặt tại Trung tâm Y tế & Phúc lợi)	//	824-1181
Văn phòng phúc lợi (đặt tại Trung tâm giao lưu công dân Ikenosato)	Ikeda Nishi-chō 24- 5	
Trạm y tế “Sukoyaka Station”	Ikeda Nishi-chō 28-22	812-2361
Trung tâm phúc lợi người cao tuổi khu vực Trung tâm	Narita-chō 3-6	832-0050
Trung tâm phúc lợi người cao tuổi khu vực Đông	Meiwa 1-chōme 1-30	822-3961
Trung tâm phúc lợi người cao tuổi Uzumasa	Uzumasa Motomachi 14-22	822-0350
Trung tâm phúc lợi người cao tuổi khu vực Tây	Ikeda Nishi-chō 28-22	838-1441
Trung tâm phúc lợi người khuyết tật khu vực Đông	Meiwa 1-chōme 13-23	823-8525
Trung tâm Akatsuki – Hibari – Hibari số 2	Otani-chō 6- 1	823-6287
Xưởng lao động phúc lợi Subaru – Hokuto	Otani-chō 7-1	824-4664
Trung tâm chăm sóc / phúc lợi Ōtani no Sato	//	820-6106
Hội đồng Phúc lợi Xã hội	Ikeda Nishi-chō 24- 5	838-0400
Trung tâm nhân lực người cao tuổi	Sara Higashi-chō 6 - 1	838-1177
Sở y tế thành phố Neyagawa	Yasaka-chō 28-3	829-7771
Trung tâm trẻ em và gia đình khu vực Trung tâm	Yasaka-chō 28-5	828-0161

◆ Đời sống và Công nghiệp

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Cục cấp thoát nước (quản lý nước sạch và nước thải)	Honmachi 15-1	824-1177
Trung tâm bảo vệ người tiêu dùng	Sakuragi-chō 5-30	828-0397
Văn phòng quản lý công viên – nghĩa trang	Ike no sechō 5-2	823-5699
Nhà tang lễ / lò hỏa táng Neyagawa	”	831-2131
Trung tâm xử lý rác thải	Neyaminami 1-chōme 2-1	824-0911
Bộ phận thu gom rác	”	820-7400
Trung tâm xúc tiến / hỗ trợ phát triển công nghiệp – kinh	Higashi Oori-chō 2-14	828-0751
Trung tâm tái chế của 4 thành phố khu vực Kitakawachi	Neyaminami 1-chōme 7-1	823-2038
Viện dưỡng lão / cơ sở chăm sóc người cao tuổi Ryokufūten	Sara Higashi-chō 7-1	823-7758

◆ Giáo dục

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm đào tạo – bồi dưỡng giáo dục tổng hợp	Meitoku 1-chōme 1 - 1	822-2126
Trung tâm hỗ trợ giáo dục	Hatsu-chō 19- 1	822-7270
Trung tâm cung cấp suất ăn học đường	Kusune Minami-chō 21- 1	822-0620
■ Trường tiểu học		
Trường tiểu học Higashi	Uzumasa Motomachi 2-1	825-9001
Trường tiểu học Nishi	Takayanagi 3-chōme 1-27	838-9757
Trường tiểu học Minami	Shimokida-chō 16-15	825-9007
Trường tiểu học Kita	Kotobuki-chō 57-29	835-9291
Trường tiểu học số 5	Narita Nishi-chō 2-3	835-9294
Trường tiểu học Seibi	Nishiki-chō 23-45	838-9760
Trường tiểu học Ikeda	Ikeda 2-chōme 1-7	838-9751
Trường tiểu học Chuo	Hatsu-chō 1-25	825-9002
Trường tiểu học Keimei	Takayanagi 63-1	838-9761
Trường tiểu học Mitsui	Mitsui-ga-oka 3-chōme 7-3	835-9297
Trường tiểu học Koya	Toyosato-chō 19-22	835-9311
Trường tiểu học Kida	Kida Motomiya 1-chōme 17- 1	825-9010

◆ Giáo dục

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Trường tiểu học Kanda	Higashikanda-chō 27-1	838-9754
Trường tiểu học Horimizu	Horimizu 3-chōme 10-8	825-9008
Trường tiểu học Tai	Tai Nishi-chō 9-1	838-9292
Trường tiểu học Sakura	Ikeda Shinmachi 3-23	838-9752
Trường tiểu học Shimeno	Temno 5-chōme 26-1	838-9758
Trường tiểu học Wakō	Kurohara Tachibana-chō 30-1	838-9755
Trường tiểu học Kunimatsu Midorigaoka	Kunimatsu-chō 47-1	825-9295
Trường tiểu học Kusune	Kusune Minami-chō 21-1	825-9011
Trường tiểu học Utani	Utani-chō 8-1	825-9298
Trường tiểu học Ishizu	Ishizu Motomachi 8-1	838-9312
Trường tiểu học Nozomigaoka	Uchiage Takatsuka-chō 4 - 1	825-9004
【Trường tư thục】		
Trường tiểu học tư thục Kōri Nouvelle Gakuin	Miimachi 18-10	831-8451
■ Trường trung học cơ sở (cấp 2)		
Trường trung học cơ sở số 1	Takamiya Shinmachi 32-1	825-9000
Trường trung học cơ sở số 2	Ikeda Nishi-chō 27-7	838-9750
Trường trung học cơ sở số 3	Tai-chō 17-3	835-9290
Trường trung học cơ sở số 5	Kamikanda 2-chōme 8-1	838-9753
Trường trung học cơ sở số 6	Narita-chō 3-6	835-9293
Trường trung học cơ sở số 7	Sara Higashi-chō 1-1	825-9006
Trường trung học cơ sở số 8	Temno 5-chōme 28-1	838-9756
Trường trung học cơ sở số 9	Takayanagi 4-chōme 16-16	838-9759
Trường trung học cơ sở số 10	Narita Minami-chō 20-7	835-9296
Trường trung học cơ sở Tomorogi	Nisshin-chō 2-25	835-9310
Trường trung học cơ sở Nakakita	Nakakita-chō 7-1	825-9009
Trường trung học cơ sở Nozomigaoka	Uchiage Takatsuka-chō 4 - 1	825-9003

【Trường tư thực】		
Trường trung học cơ sở tư thực Kōri Nouvelle Gakuin	Miimachi 18-10	831-1381
Trường trung học cơ sở tư thực Doshisha Kōri	Mitsui Minami-chō 15-1	831-0285
■Trung học phổ thông – Đại học và các cơ sở khác		
【Trường công lập thuộc tỉnh Osaka】		
Trường trung học phổ thông Neyagawa	Honmachi 15-64	821-0546
Trường trung học phổ thông Kitakawachi Satsukigaoka	Neyakita-chō 1-1	822-2241
Trường trung học phổ thông Nishi Neyagawa	Kuzuhara 2-chōme 19-1	828-6700
Trường cao đẳng kỹ thuật thuộc Đại học Công lập Osaka	Saiwai-chō 26-12	821-6401
Trường hỗ trợ đặc biệt Neyagawa	Neyagawa Kōen số 2100	824-1024
【Trường tư thực】		
Trường trung học phổ thông tư thực Kōri Nouvelle Gakuin	Miimachi 18-10	831-8452
Trường trung học phổ thông tư thực Doshisha Kōri	Mitsui Minami-chō 15-1	831-0285
Đại học Đại học Điện tử – Viễn thông Osaka	Hatsu-chō 18-8	824-1131
Đại học Setsunan	Ikeda Nakamachi 17-8	839-9102

◆ Cảnh sát – Phòng cháy chữa cháy – Bưu điện

Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Sở Cảnh sát Neyagawa	Toyono-chō 26-26	823-1234
Sở Phòng cháy chữa cháy Neyagawa	Ikeda 2-chōme 11-73	852-9966
Chi nhánh phía Tây	Kasuga-chō 20-22	852-9860
Chi nhánh phía Nam	Shimokida-chō 16-17	852-9866
Chi nhánh Meiwa	Uchiage Miyamae-chō 2 - 3	852-9869
Chi nhánh Hata	Hata-chō 2 - 5	852-9875
Chi nhánh Mitsui	Mitsui Minami-chō 25- 2	852-9872
Chi nhánh Kanda	Higashikanda-chō 22- 6	852-9863
Bưu điện Neyagawa	Hatsu-chō 4-5	0570-057-547

■ Các cơ sở công cộng của thành phố Neyagawa



- ① **Trụ sở chính Thành phố Neyagawa**
Honmachi 1-1 (824-1181)
- ② **Cổng dịch vụ Thành phố Neyagawa**
Hayako-chō 12-16 (824-1181)
- ③ **Cục Cấp thoát nước**
Honmachi 15-1 (824-1177)
- ④ **Trung tâm vệ sinh / Xử lý rác thải**
Neyaminami 1-chōme 2 - 1
(824-0911)
- ⑤ **Hiệp hội giao lưu quốc tế Thành phố Neyagawa (NIEFA)**
Osaka-fu Neyagawa-shi Hata-chō 41-1
Trung tâm sinh hoạt cộng đồng Neyagawa -Tầng 1 (811-5935)
- ⑥ **Trạm hỗ trợ cha mẹ & trẻ em**
Hatsu-chō 19-1 (811-3003)
- ⑦ **Trung tâm thư giãn & hỗ trợ nuôi dạy trẻ)**
Nishiki-chō 8-13 (800-3862)
- ⑧ **Trung tâm Y tế & Phúc lợi**
Ikeda Nishi-chō 28-22
(838-1631)
- ⑨ **Trung tâm cấp hộ chiếu Thành phố Neyagawa**
Hayako-chō 16-1-101
(801-1071)
※ Tầng 1 cửa Nam ga Keihan Neyagawa-shi
- ⑩ **Thư viện trẻ em +plus**
Hayako-chō 23-2 (Tầng 3 toà nhà số 2 Adobansu Neyagawa)

Danh sách địa điểm tư vấn mà người nước ngoài có thể sử dụng được

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ hỗ trợ	ngày làm việc	Thông tin liên hệ
Hiệp hội giao lưu quốc tế Thành phố Neyagawa	Về đời sống và sinh hoạt (tổng quát)	Tiếng Nhật, tiếng Anh (các ngôn ngữ khác xin vui lòng hỏi trước)	Thứ 3・Thứ 7 13:00~17:00	☎072-811-5935
Quầy thông tin cho người nước ngoài, tỉnh Osaka	Về đời sống và sinh hoạt (tổng quát)	Tiếng Anh, Trung, Hàn / Triều Tiên, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thái, Việt, Philippines, Indonesia, Nepal	Ngày thường 9:30 – 17:30 Thứ 5 tuần thứ 3 và thứ 6 tuần thứ 4 9:30 – 20:00 (Nếu đến sau 17:30 phải đặt lịch trước) Nghỉ lễ, cuối năm và đầu năm (trừ 29/12 – 3/1) Chủ nhật tuần thứ 3 9:30 – 17:30	☎06-6941-2297 ✉(Tiếng Nhật, Tiếng anh) jouhou-c@ofix.or.jp
Trung tâm giao lưu quốc tế Osaka (tổ chức công ích)	Về đời sống và sinh hoạt (tổng quát)	Tiếng Anh, Trung, Hàn / Triều Tiên, Việt (hỗ trợ hàng ngày), Tiếng Philippines (thứ 3, 4, 5, trừ ngày lễ)	Thứ 2 đến thứ 6 9:00 – 19:00 Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ 9:00 – 17:30 Trừ dịp cuối năm và đầu năm	☎06-6773-6533
Hệ thống tư vấn sinh hoạt “Kansai Seimeisen”	Về đời sống và sinh hoạt (tổng quát)	Tiếng Đài Loan, Tiếng Bắc Kinh (Trung Quốc)	Thứ 3, thứ 5, thứ 7 10:00 – 19:00	☎06-6441-9595
Trung tâm hỗ trợ hòa nhập xã hội – Đường dây nóng Yoriso	Về đời sống và sinh hoạt (tư vấn vấn đề, tâm lý)	Tiếng Anh, Trung, Hàn / Triều Tiên, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thái, Tagalog, Việt, Nepal, Indonesia	Vui lòng xem lịch làm việc và ngôn ngữ hỗ trợ tại URL dưới đây https://www.since2011.net/yoriso/n2/	☎0120-279-338
Trung tâm thông tin nhả ở công lập thành phố Osaka	Về đời sống và sinh hoạt (liên quan đến nhà ở)	Tiếng Anh, Trung, Hàn / Triều Tiên	Thứ 2 đến thứ 7 9:00 – 17:00 Chủ nhật & ngày lễ 10:00 – 17:00 Có thể nghỉ, vui lòng kiểm tra trước	☎06-6242-1177
Trung tâm thông tin tổng hợp về lưu trú cho người nước ngoài	Tư vấn về tư cách lưu trú / giấy phép cư trú	Tiếng Anh, Trung, Hàn, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt, Nepal, Thái, Myanmar, Sinhala	Thứ 2 – Thứ 6 8:30 – 17:15	☎0570-013-904 ☎03-5796-7112 (IP/Quốc tế)
Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA (NPO)	Tư vấn y tế (Hệ thống y tế Nhật Bản, hướng dẫn cơ sở y tế có nhân viên nói được ngoại ngữ, phiên dịch ...)	Tiếng Nhật đơn giản, tiếng Anh (hàng ngày) Thứ 2: Hàn, Philippines Thứ 3: Trung, Thái Thứ 4: Tây Ban Nha, Việt Thứ 5: Trung Thứ 6: Bồ Đào Nha, Việt	Thứ 2 – Thứ 6 10:00 – 16:00	☎03-6233-9266

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ hỗ trợ	ngày làm việc	Thông tin liên hệ
Trung tâm dịch vụ việc làm cho người nước ngoài Osaka	Tư vấn lao động (Giới thiệu việc làm và tư vấn cho du học sinh và các ngành kỹ thuật)	Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Bồ Đào Nha	Thứ 2 đến thứ 6 13:00 – 18:00 (Trừ tất cả thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ và dịp cuối năm – đầu năm. Giờ có thể thay đổi tùy tình hình)	Thành phố Osaka, Quận Kita, Kadomachi8-47 Tầng 16, Tòa nhà Hankyū Grand ☎06-7709-9465
		Tiếng Tây Ban Nha	Thứ 3 và thứ 5 13:00 – 18:00	
		Tiếng Việt	Thứ 4 15:30 – 18:00 Thứ 6 13:00 – 18:00	
		Tiếng Nepal	Thứ 4 và thứ 5 13:00 – 18:00 (Có ngày nghỉ)	
		Tiếng Ukraina	Thứ 2 và thứ 4 14:00 – 18:00	
Quầy tư vấn lao động cho người nước ngoài – Cục Lao động Osaka	Tư vấn lao động (về điều kiện lao động)	① Tiếng Anh (Thứ 2, 4, 6) ② Tiếng Bồ Đào Nha (Thứ 4, 5) ③ Tiếng Trung (Thứ 3, 4) ④ Tiếng Việt (Thứ 5 & 6 tuần thứ 1)	9:30 – 17:00 (trừ 12:00 – 13:00). Thứ trong tuần có thể thay đổi, vui lòng kiểm tra trước.	Tầng 9, Tòa nhà số 2, Osaka Government Office, 4-1-67, Ōtemae, Chūō-ku, Osaka ☎06-6949-6490
Đường dây tư vấn dành cho người lao động nước ngoài	Tư vấn lao động (về các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động, giải thích pháp luật và giới thiệu các cơ quan liên quan)	Tiếng Anh (Thứ 2 – Thứ 6)	※ trừ dịp cuối năm – đầu năm (từ 29/12 đến 3/1)	☎0570-001701
		Tiếng Trung (Thứ 2 – Thứ 6)		☎0570-001-702
		Tiếng Bồ Đào Nha (Thứ 2 – Thứ 6)		☎0570-001-703
		Tiếng Tây Ban Nha (Thứ 2 – Thứ 6)		☎0570-001-704
		Tiếng Tagalog (Thứ 2 – Thứ 6)		☎0570-001-705
		Tiếng Việt (Thứ 2 – Thứ 6)		☎0570-001-706
		Tiếng Myanmar (Thứ 6)		☎0570-001-707
		Tiếng Nepal (Thứ 2 – Thứ 5)		☎0570-001-708
		Tiếng Hàn (Thứ 4 – Thứ 6)		☎0570-001-709
		Tiếng Thái (Thứ 5)		☎0570-001-712
		Tiếng Indonesia (Thứ 3)		☎0570-001-715
		Tiếng Campuchia (Khmer) (Thứ 3)		☎0570-001-716
Tiếng Mông Cổ (Thứ 6)	☎0570-001-718			
Trung tâm tư vấn lao động Osaka	Tư vấn lao động (Các vấn đề liên quan nơi làm việc và lao động nói chung)	Tiếng Anh / Tiếng Trung / Tiếng Việt	Thứ 2 – Thứ 6, 9:00 – 18:00 (Cần đặt lịch trước)	Tầng 10, Tòa nhà L Osaka, 3-14 Kitahama, Quận Chūō, Osaka ☎06-6946-2600

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ hỗ trợ	ngày làm việc	Thông tin liên hệ
Trung tâm tư vấn phụ nữ Osaka	Các vấn đề cá nhân, lo lắng và rắc rối mà phụ nữ gặp phải	Tiếng Anh, Trung, Hàn/Triều, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thái, Việt, Philippines, Indonesia, Nepal, Ukraina, Nga	Thứ 2 – Thứ 6 9:00 – 17:30	☎06-6949-6181
Phòng tư vấn nhân quyền – Bộ bảo vệ nhân quyền, Cục Tư pháp Osaka	Nhân quyền	Tiếng Anh, Trung, Hàn, Philippines, Bồ Đào Nha, Việt, Nepal, Tây Ban Nha, Indonesia, Thái	Thứ 2 – Thứ 6 9:00 – 17:00 (Trừ ngày lễ, dịp cuối năm – đầu năm)	☎0570-090-911
Hiệp hội Luật sư Osaka	Nhân quyền	Tiếng Anh, Trung, Hàn/Triều	Thứ 6 tuần thứ 2 và thứ 4 12:00 – 17:00	☎06-6364-6251
Trung tâm Hỗ trợ Tư pháp Nhật Bản (Hō Terrace)	Luật pháp / Vấn đề pháp lý	Tiếng Anh, Trung, Hàn, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt, Thái, Nepal, Tagalog, Indonesia	Thứ 2 – Thứ 6 9:00 – 17:00	(Dịch vụ thông tin đa ngôn ngữ của Hō Terrace) ☎0570-078377 (IP phone / điện thoại trả trước) ☎050-3754-5430

※ Trong một số trường hợp có thể phát sinh phí tư vấn, hoặc thời gian, ngày và địa điểm tư vấn có thể thay đổi. Vui lòng liên hệ trực tiếp các cơ quan tư vấn để xác nhận.

発 行： 寝屋川市
〒572-8555 寝屋川市本町1番1号 電話 072-824-1181

編 集： 特定非営利活動法人 寝屋川市国際交流協会

翻 訳： Đinh Tuyết